

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển và hội nhập nhiều doanh nghiệp trên cùng một địa bàn cùng kinh doanh những sản phẩm giống nhau nên sự cạnh tranh lẫn nhau ngày càng trở nên khó khăn hơn. Lợi nhuận của doanh nghiệp là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động đầu tư tài chính và lợi nhuận bất thường khác. Lợi nhuận càng cao thì tình hình tài chính càng ổn định. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là làm sao đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh. Do đó, cuối kỳ kinh doanh doanh nghiệp phải xác định kết quả kinh doanh xem lãi hay lỗ từ đó có biện pháp quản lý doanh nghiệp thích hợp để đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh.

Công ty Cổ phần thương mại S.I.C cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Do đó, nhiệm vụ quan trọng của kế toán là công ty cần phải xác định đúng lãi, lỗ của hoạt động kinh doanh để giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có thể nhanh chóng đưa ra các chiến lược kinh doanh nhằm giúp doanh nghiệp có đủ thông tin để đạt được lợi thế trong kinh doanh, giảm chi phí và đạt được lợi nhuận cao. Nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán xác định doanh thu và lợi nhuận tại công ty, cùng với sự hướng dẫn tận tình của ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng và các nhân viên phòng kế toán của Công ty Cổ phần thương mại S.I.C, em đã lựa chọn đề tài:

“ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm thúc đẩy hoạt động bán hàng tại Công ty Cổ phần thương mại S.I.C”

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa những vấn đề lí luận về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Làm rõ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại S.I.C.
- Đánh giá thực trạng và đưa ra những kiến nghị để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm thúc đẩy hoạt động bán hàng tại Công ty Cổ phần thương mại S.I.C.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Lĩnh vực nghiên cứu về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phạm vi nghiên cứu: toàn bộ số liệu, chứng từ, sổ sách kế toán trong công ty nói chung và nội dung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong đề tài này tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như:

- Phương pháp tổng hợp
- Phương pháp so sánh
- Hỏi ý kiến chuyên gia và khảo sát thực tế.

5. Nội dung, kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung chính của khóa luận gồm 3 chương:

- *Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ*
- *Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại S.I.C.*
- *Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm thúc đẩy hoạt động bán hàng tại Công ty Cổ phần thương mại S.I.C.*

Qua đây em cũng xin gửi lời cảm ơn đến GV- THs. Nguyễn Thị Thúy Hồng cùng cô chú cán bộ phòng kế toán công ty Cổ phần thương mại S.I.C đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành đề tài này. Tuy nhiên, do phạm vi đề tài rộng, thời gian thực tế chưa nhiều nên bài khóa luận của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong sự góp ý cũng như sự chỉ bảo thêm của các thầy cô để em có điều kiện bổ sung nâng cao kiến thức của mình, giúp em hoàn thành đề tài của mình một cách tốt nhất.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu

❖ **Doanh thu:** là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD.

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC:

- *Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:*
- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu
- + Hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;
- *Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.*

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại, bao gồm: tiền lãi, cổ tức được hưởng, lợi nhuận được chia từ hoạt động liên doanh, liên kết, lãi về chuyển nhượng vốn, chênh lệch tăng tỉ giá ngoại tệ và các khoản khác.

❖ **Thu nhập khác:** Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp như : thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng...

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- **Giá trị hàng bán bị trả lại:** là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Là loại thuế đánh trên hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là thuế gián thu được cấu thành trong giá bán sản phẩm.

- **Thuế xuất khẩu:** Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa phải chịu thuế xuất khẩu.

- **Thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp trực tiếp:** Là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

$$\begin{array}{ccc} \text{Thuế GTGT} & & \text{Thuế suất thuế} \\ \text{phải nộp} & = & \text{GTGT của hàng hóa} \times \text{GTGT} \\ & & \text{dịch vụ} \end{array}$$

1.1.1.2. Khái niệm về chi phí

Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh cho các hoạt động khác và các khoản thuế gián thu mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định(tháng, quý, năm).Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

❖ **Giá vốn hàng bán:** Là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

- Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.

- Đối với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

❖ **Chi phí tài chính:** Là những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán..., dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

❖ **Chi phí quản lý kinh doanh:** Phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Chi phí bán hàng:** là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

❖ **Chi phí khác:** Là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

1.1.1.3. Khái niệm kết quả kinh doanh

❖ **Xác định kết quả kinh doanh:** Xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- **Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh.

- **Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- **Kết quả hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ **Công thức xác định lợi nhuận của DN:**

| | | | | | | | | |
|--------------------------------------|---|--|---|--------------------------------------|---|---------------------|---|----------------------------------|
| Lợi nhuận HĐ SXKD | = | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | - | Các khoản giảm trừ doanh thu | - | Giá vốn hàng bán | - | Chi phí quản lý kinh doanh |
| Lợi nhuận HĐTC | = | | | Doanh thu HĐTC | - | | | Chi phí tài chính |
| Lợi nhuận khác | = | | | Thu nhập khác | - | | | Chi phí khác |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | = | | | Lợi nhuận HĐ SXKD | + | Lợi nhuận HĐTC | + | Lợi nhuận khác |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | = | | | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | - | | | Chi phí thuế TNDN |

1.1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.
- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý.

- Tính toán phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.

- Ghi chép, theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để gia tăng lợi nhuận.

1.1.3. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán trong DN

1.1.3.1 Các phương thức bán hàng

❖ **Phương thức bán hàng trực tiếp:** Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

- **Bán buôn:** Là phương thức bán hàng theo lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

+ **Phương thức bán buôn hàng hoá qua kho:** là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

+ **Phương thức bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng:** là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà chuyển thẳng cho bên mua.

- **Bán lẻ:** Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.

❖ **Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:** Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

❖ **Phương thức bán hàng qua đại lý:** Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng

này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

❖ **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi xuất nhất định.

❖ **Phương thức trao đổi hàng:** Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

1.1.3.2. Các phương thức thanh toán

Việc tiêu thụ hàng hoá nhất thiết được thanh toán với người mua, bởi vì chỉ khi nào doanh nghiệp thu nhận được đầy đủ tiền bán hàng hoặc sự chấp nhận trả tiền của khách hàng thì việc tiêu thụ mới được phép ghi nhận trên sổ sách kế toán. Việc thanh toán với người mua về hàng hoá bán ra được thực hiện bằng:

– Thanh toán trả ngay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản: theo phương thức này, việc chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng và việc thu tiền được thực hiện đồng thời và người bán sẽ nhận được ngay số tiền mặt hoặc chuyển khoản tương ứng với số hàng hoá mà mình đã bán.

– Thanh toán trả chậm trả góp: Khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay

1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh Nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu trong Doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1.1. Tổ chức kế toán doanh thu và cung cấp dịch vụ

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (đối với Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), hóa đơn bán hàng thông thường (đối với DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

- Phiếu thu, giấy báo có

- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

Các TK cấp 2:

TK 5111 - *Doanh thu bán hàng hóa*

TK 5112 - *Doanh thu bán các thành phẩm*

TK 5113 - *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

TK 5118 - *Doanh thu khác*

❖ **Kết cấu tài khoản**

Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng”

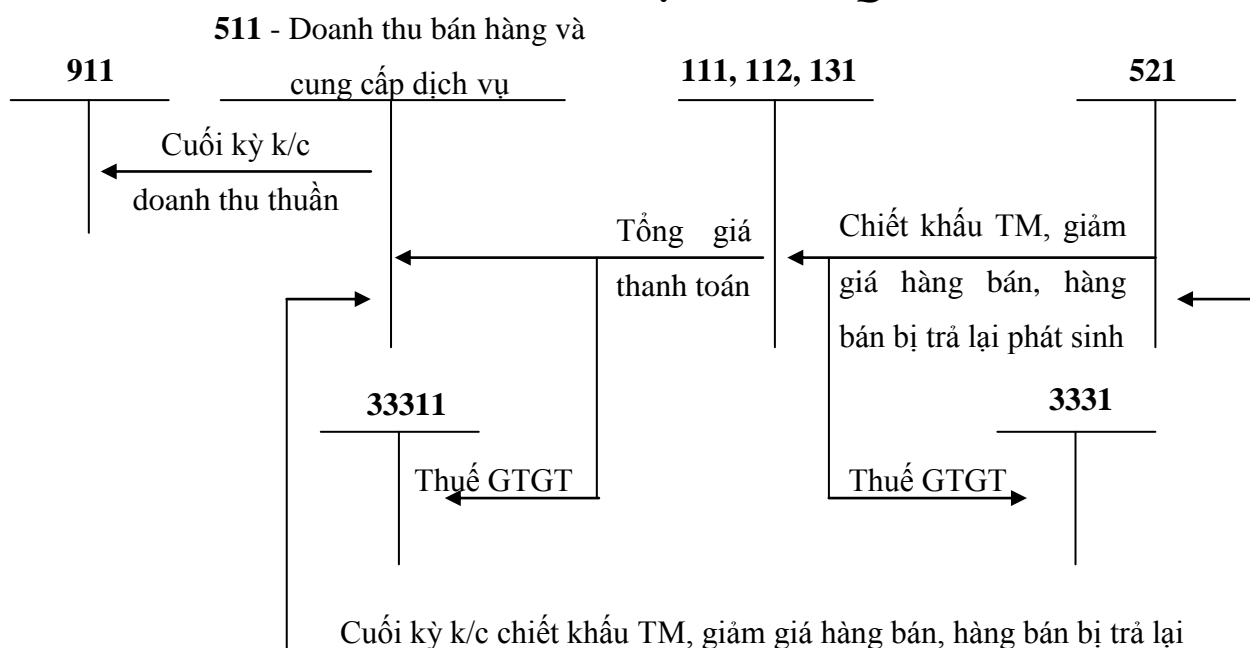
| | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kỳ - Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. | <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán. |
| Tổng phát sinh Nợ | Tổng phát sinh Có |

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

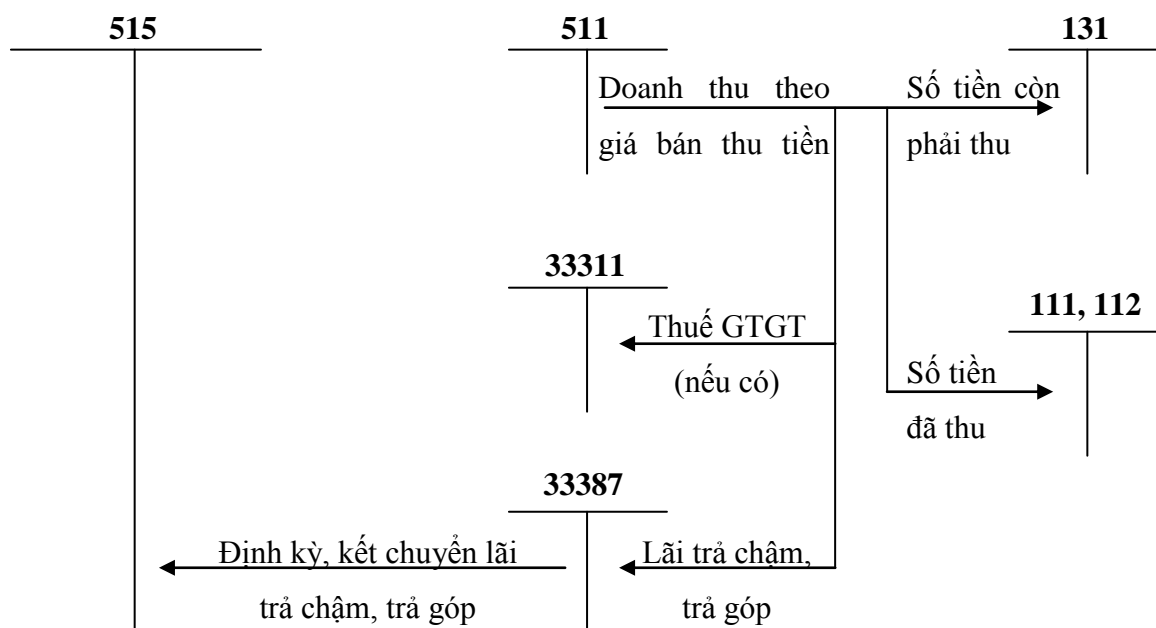
Sơ đồ số 1.1

Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trực tiếp
Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



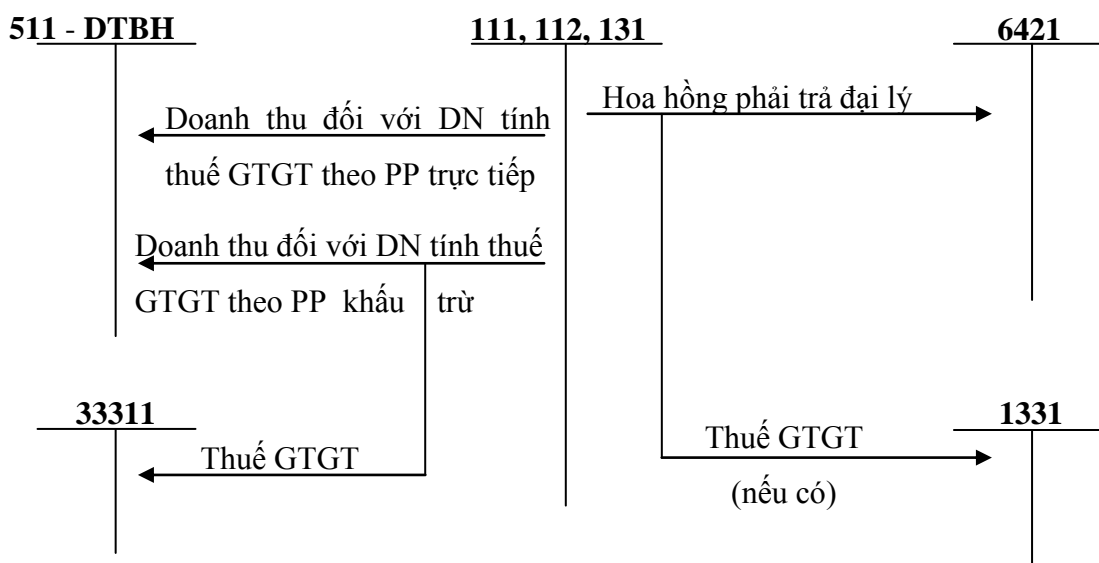
Sơ đồ số 1.2

**Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp
Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



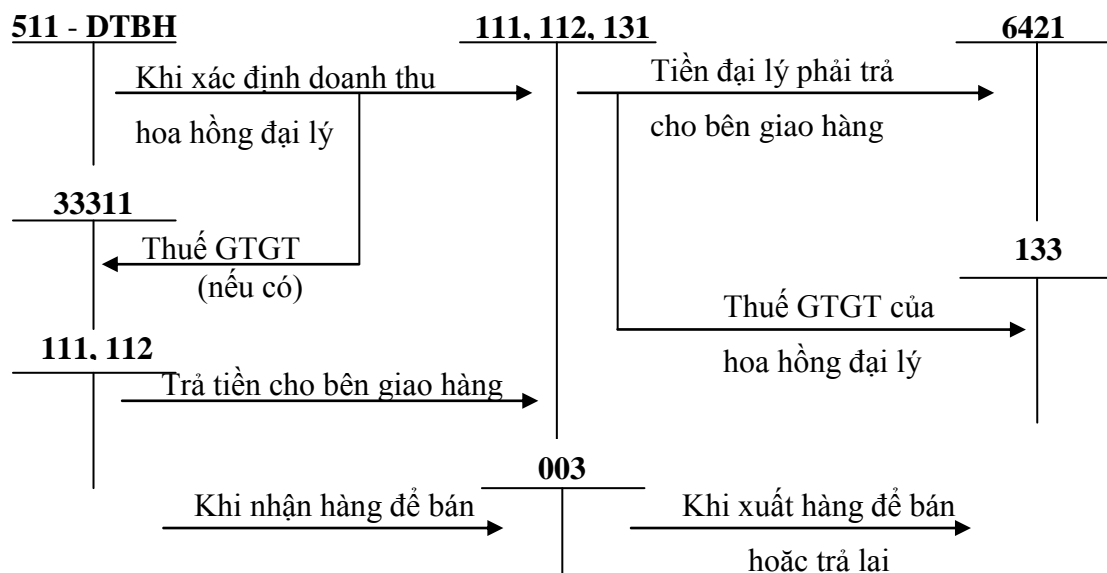
Sơ đồ số 1.3

**Kế toán doanh thu bán hàng đại lý
(Phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)
(Đối với bên giao đại lý)
Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



Sơ đồ 1.4:

**Kế toán doanh thu bán hàng
Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng
(Đối với bên nhận đại lý)
(Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)**



1.2.1.2. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

❖ **Chứng từ kế toán**

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ
- Hoá đơn GTGT
- Chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 521 "Các khoản giảm trừ doanh thu"

Các TK cấp 2:

Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại: Phản ánh số giảm giá cho người mua hàng đối với khối lượng hàng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại: Phản ánh trị giá bán của số sản phẩm, hàng hóa đã bán bị khách hàng trả lại.

Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán: Phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá bán ghi trong Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng thông thường

phát sinh trong kỳ.

Ngoài ra các khoản giảm trừ doanh thu còn bao gồm:

Tài khoản 3331: Thuế GTGT phải nộp

Tài khoản 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tài khoản 3333: Thuế xuất, nhập khẩu

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Tài khoản 521 “ Các khoản giảm trừ doanh thu”

| | |
|--|---|
| - Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra; - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng. | - Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" |
| Tổng phát sinh Nợ | Tổng phát sinh Có |

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

TK 3331,3332,3333

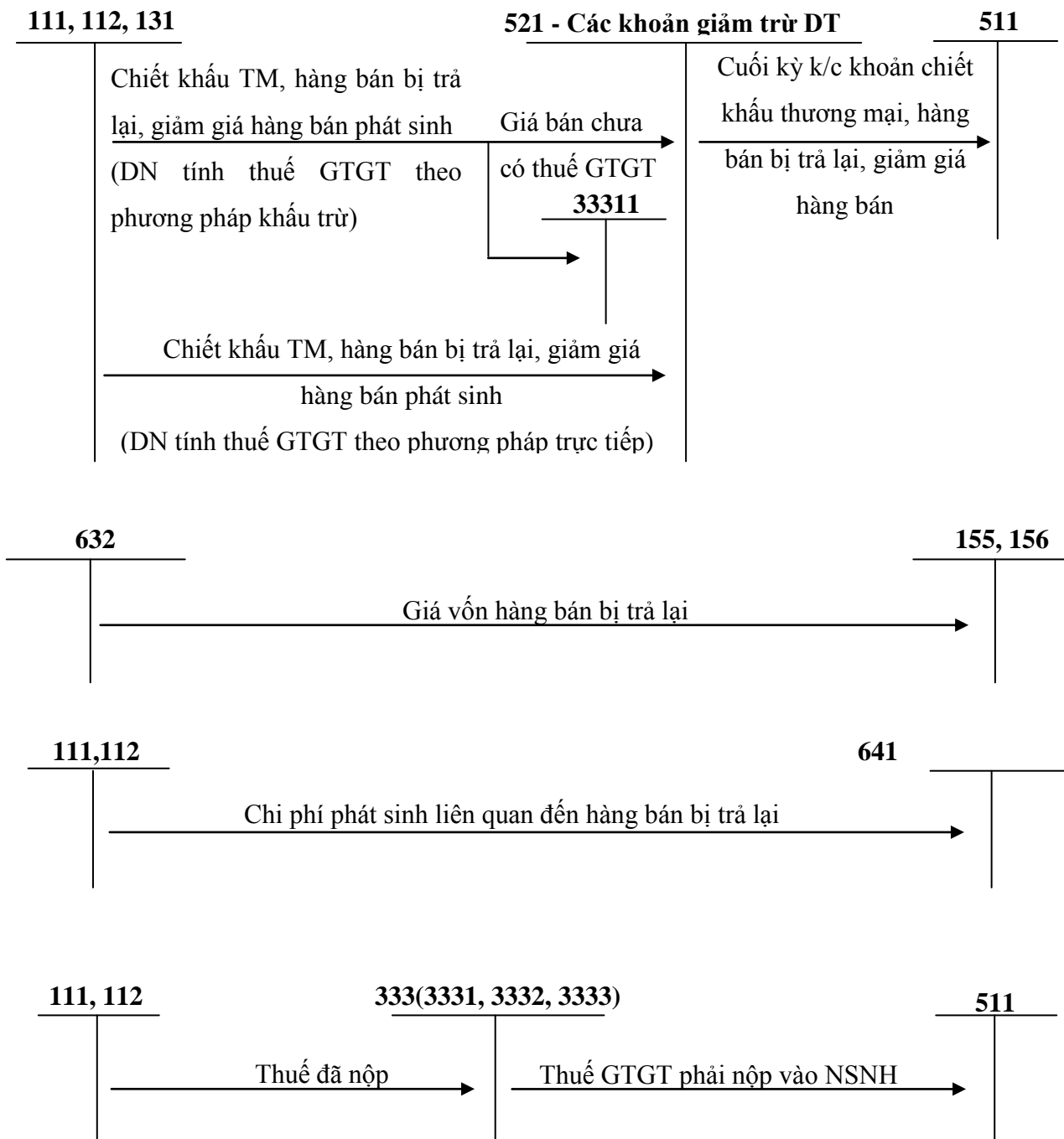
| Nợ | Có |
|---|---|
| - Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ; - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước; - Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp; - Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá. | - Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp; - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước. |
| Tổng số phát sinh Nợ Trong trường hợp cá biệt, (nếu có) phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu. | Tổng số phát sinh Có Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước. |

❖ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ số 1.5

Kế toán các khoản làm giảm trừ doanh thu

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



1.2.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Giấy báo Có

❖ Tài khoản sử dụng

TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

❖ Kết cấu tài khoản

Tài khoản 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”

| | |
|--|---|
| - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); | - Tiền lãi |
| - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 - "Xác định kết quả kinh doanh" | - Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản |
| | - Chênh lệch về do bán ngoại tệ |
| | - Thu nhập về hoạt động đầu tư CK |
| | - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ |
| Tổng phát sinh Nợ | Tổng phát sinh Có |

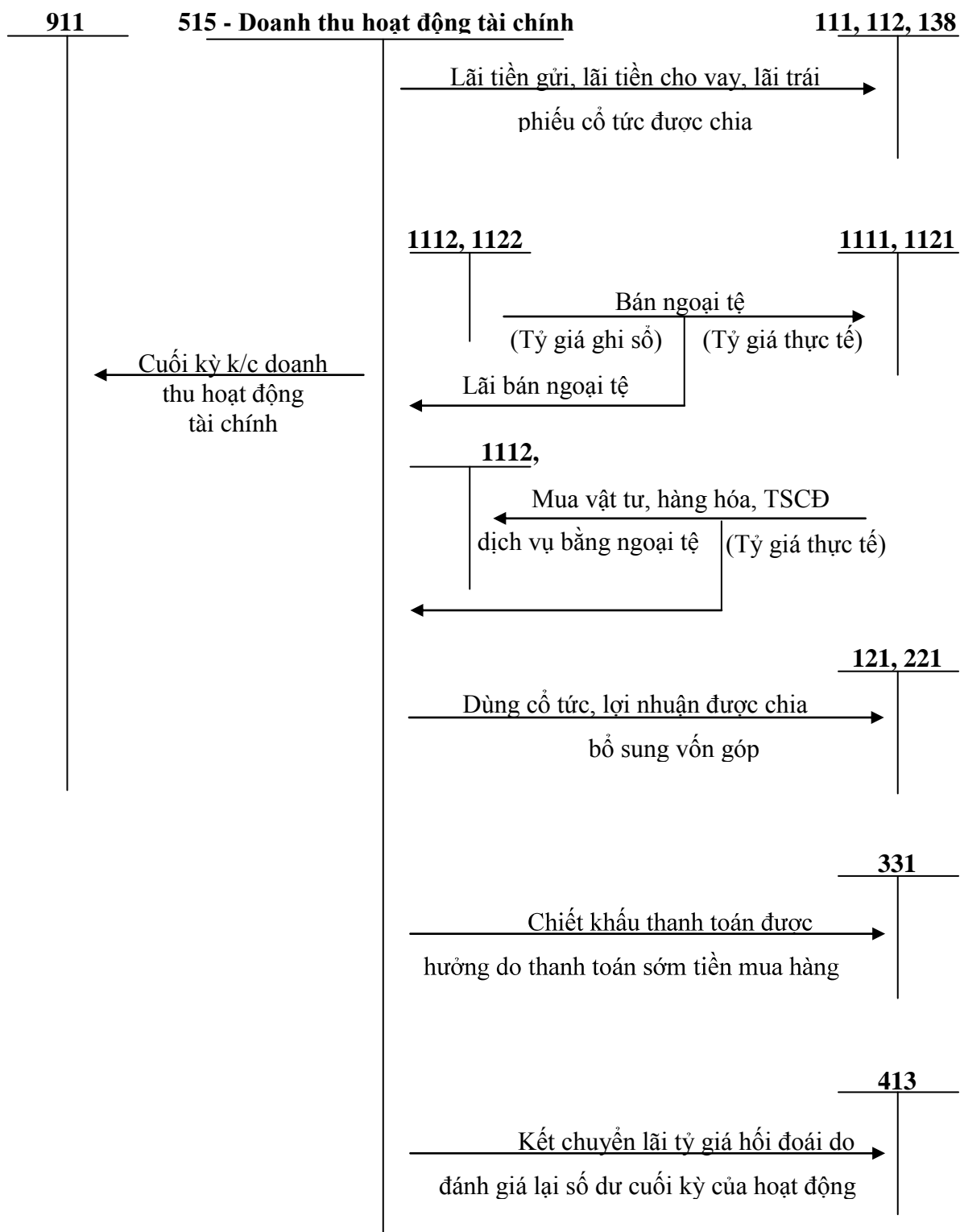
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ số 1.6

Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



1.2.1.4. Tổ chức kế toán thu nhập khác

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, hóa đơn GTGT, biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

TK 711 "Thu nhập khác"

❖ Kết cấu tài khoản

Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”

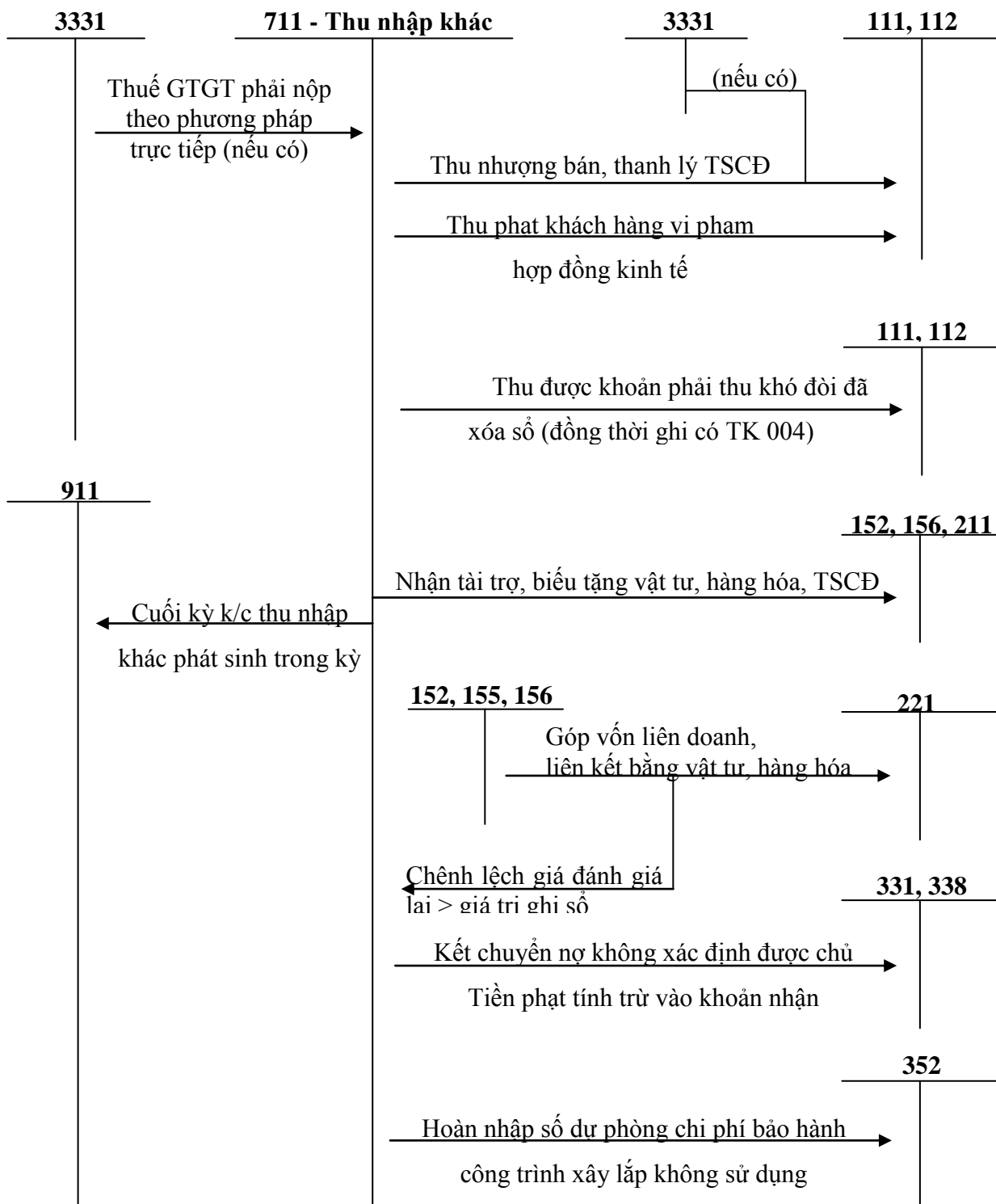
| | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none">- Thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh". | <ul style="list-style-type: none">- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.- Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót. |
| Tổng phát sinh Nợ | Tổng phát sinh Có |

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ số 1.7

Kế toán thu nhập khác
Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.2.1. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho".

❖ *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hoá, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hoá, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{hàng xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng hàng} \\ \text{hóa, thành} \\ \text{phẩm xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{quân gia quyền} \end{array}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể được tính theo hai cách:

- Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân} \\ \text{gia quyền cả kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} \\ \text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ} \\ \text{Lượng hàng nhập trong kỳ} \end{array}}$$

- Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân} \\ \text{gia quyền sau lần nhập } i \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i \\ \text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i \end{array}}$$

❖ *Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)*

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số lượng hàng nhập sau theo giá là giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này số hàng tồn đầu kỳ được coi là lần nhập lần đầu tiên).

❖ *Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)*

- Xác định tại thời điểm cuối kỳ: theo phương pháp này hàng nào nhập vào sau cùng sẽ được xuất ra đầu tiên.
- Xác định sau mỗi lần nhập: theo phương pháp này thì sau mỗi lần nhập sẽ xác định giá trị thực tế xuất kho.

❖ **Phương pháp thực tế đích danh**

- Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

- Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập. Do đó, những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hóa không nên áp dụng.

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 632 "Giá vốn hàng bán"

❖ **Kết cấu tài khoản**

Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”

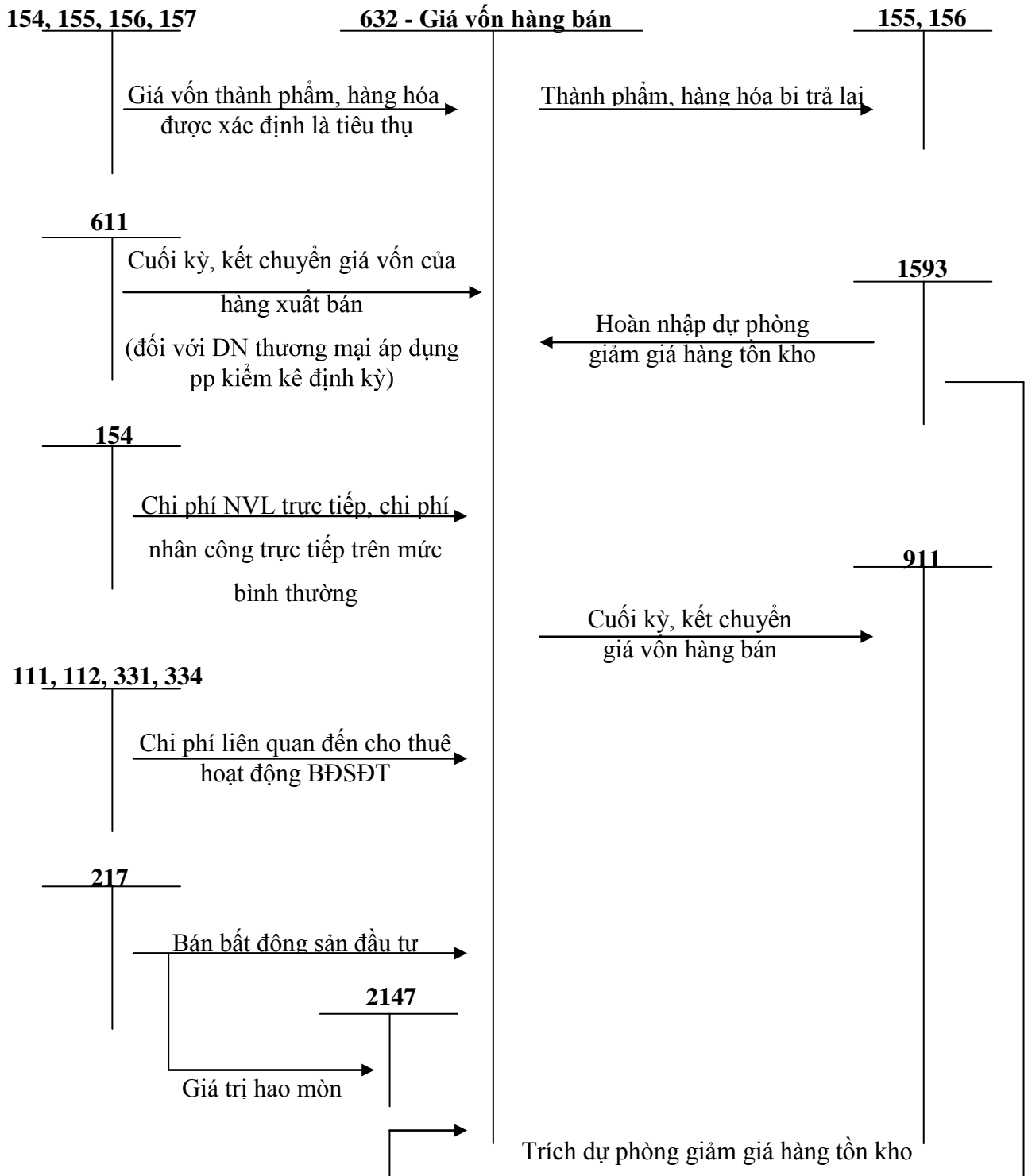
| | |
|---|--|
| - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ | - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 |
| - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. | - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho |
| | - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho |
| Tổng phát sinh Nợ | Tổng phát sinh Có |

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ số 1.8

Kế toán giá vốn hàng bán
Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



1.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí tài chính

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

TK 635 "Chi phí tài chính"

❖ Kết cấu tài khoản

Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”

| | |
|---|---|
| - Các khoản chi phí hoạt động tài chính. | - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. |
| - Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn. | - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh. |
| - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế. | |
| - Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ. | |
| - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán | |
| Tổng phát sinh Nợ | Tổng phát sinh Có |

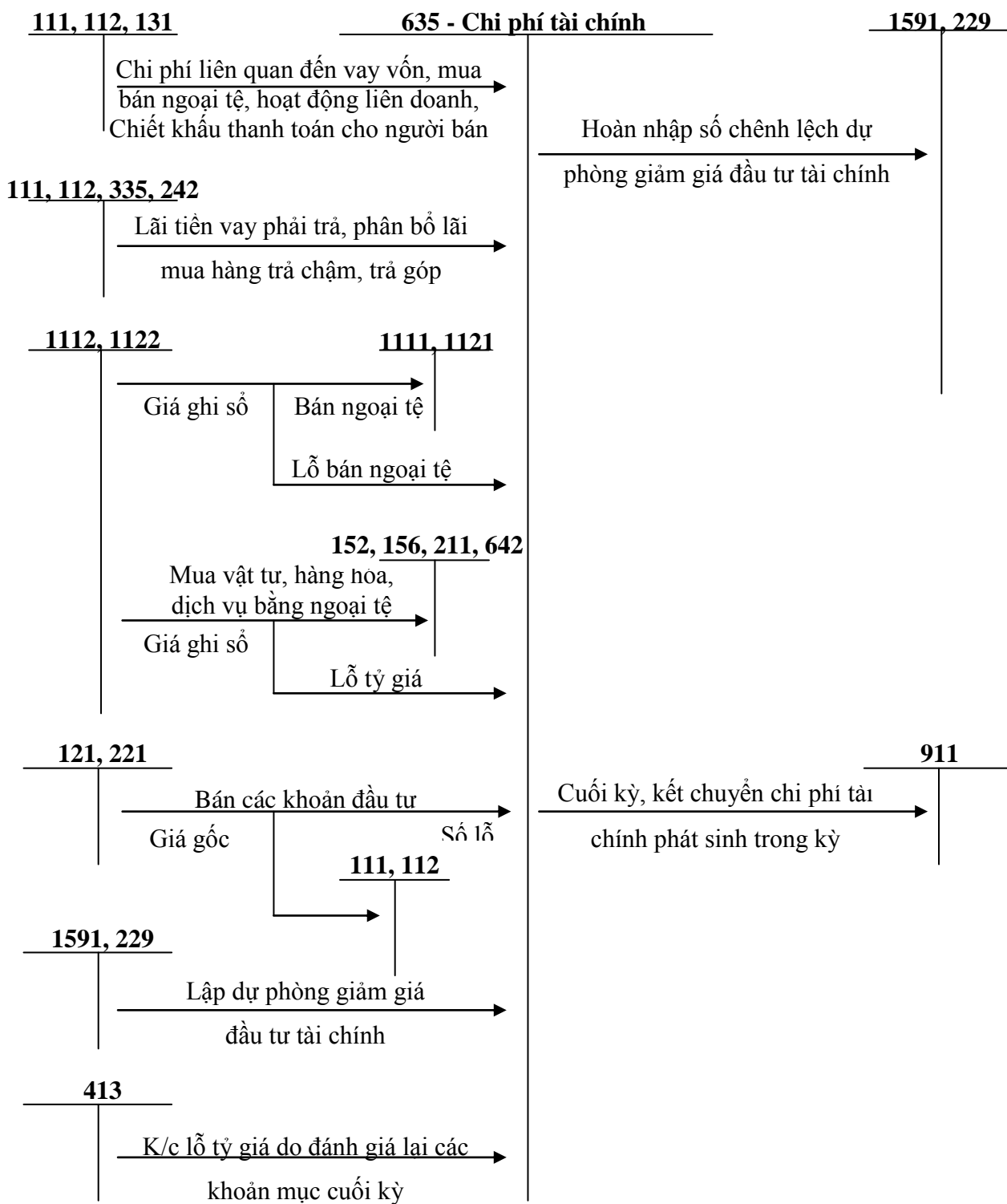
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ số 1.9

Kế toán chi phí tài chính

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



1.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ NVL - công cụ, dụng cụ
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán...

❖ Tài khoản sử dụng

TK 642 "Chi phí quản lý kinh doanh"

Các tài khoản cấp 2:

TK 6421: "*Chi phí bán hàng*"

TK 6422: "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*"

❖ Kết cấu tài khoản

Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh”

| | |
|---|--|
| - Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ | - Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào bên Nợ tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh |
| Tổng phát sinh Nợ | Tổng phát sinh Có |

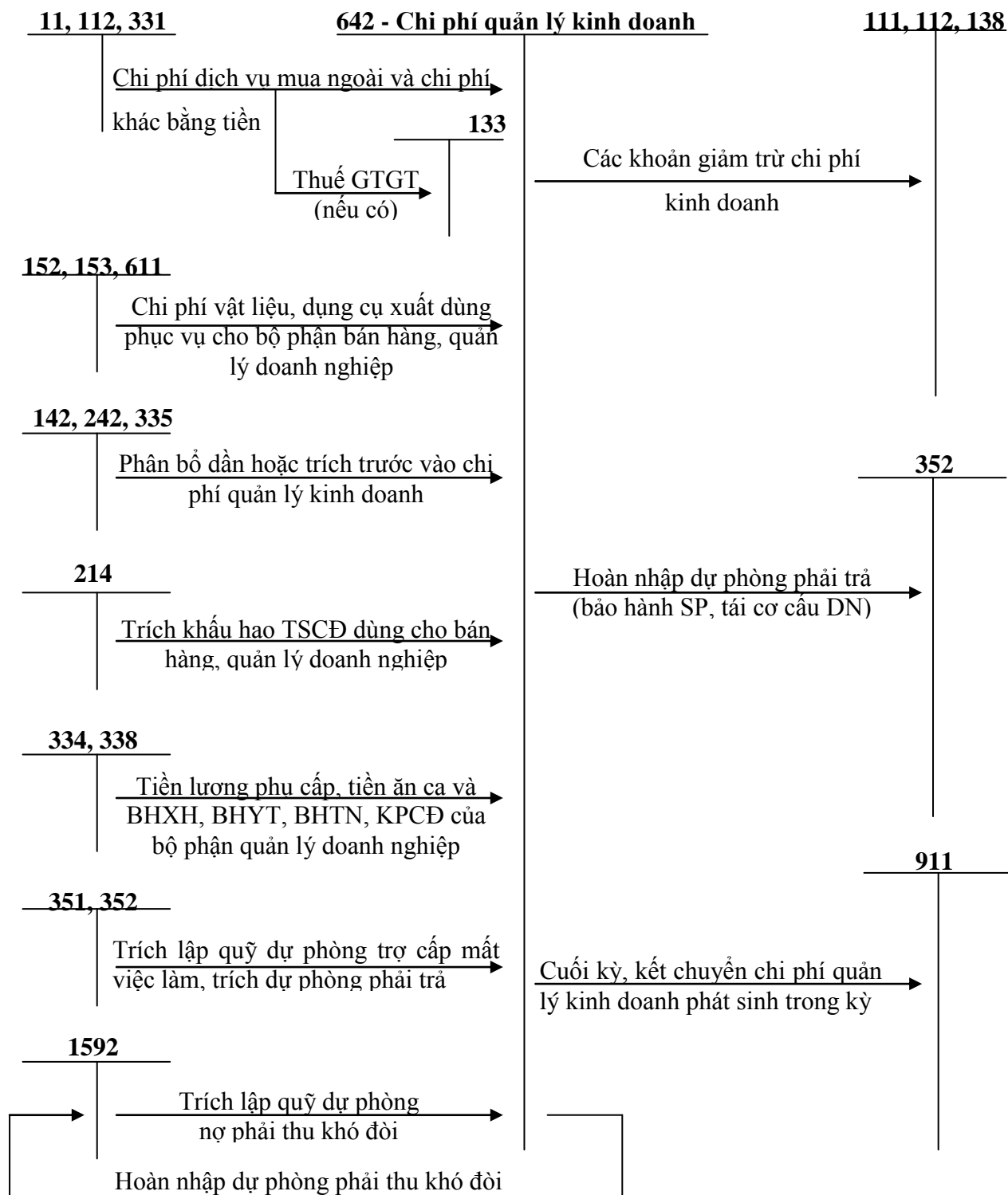
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ số 1.10

Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



1.2.2.4. Tổ chức kế toán chi phí khác theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi, biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu kế toán, biên lai nộp thuế

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 811 "Chi phí khác"

❖ **Kết cấu tài khoản**

Tài khoản 811 “ Chi phí khác ”

| | |
|---|---|
| - Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ | - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh |
| Tổng phát sinh Nợ | Tổng phát sinh Có |

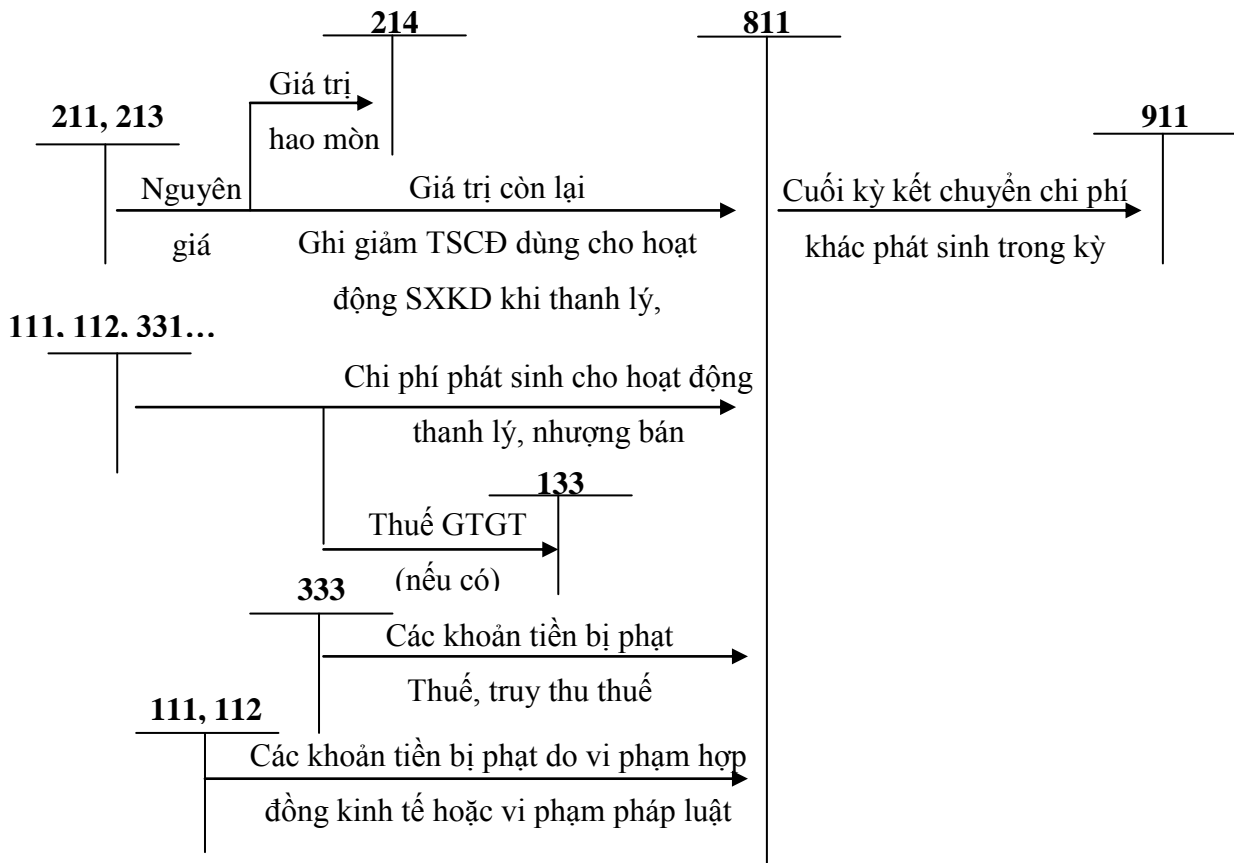
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ số 1.11

Kê toán chi phí khác

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Chứng từ liên quan khác.

❖ Tài khoản sử dụng

TK 911 - "Xác định kết quả kinh doanh"

TK 821 - "Chi phí thuế TNDN"

TK 421 - "Lợi nhuận chưa phân phối"

❖ Kết cấu tài khoản

Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”

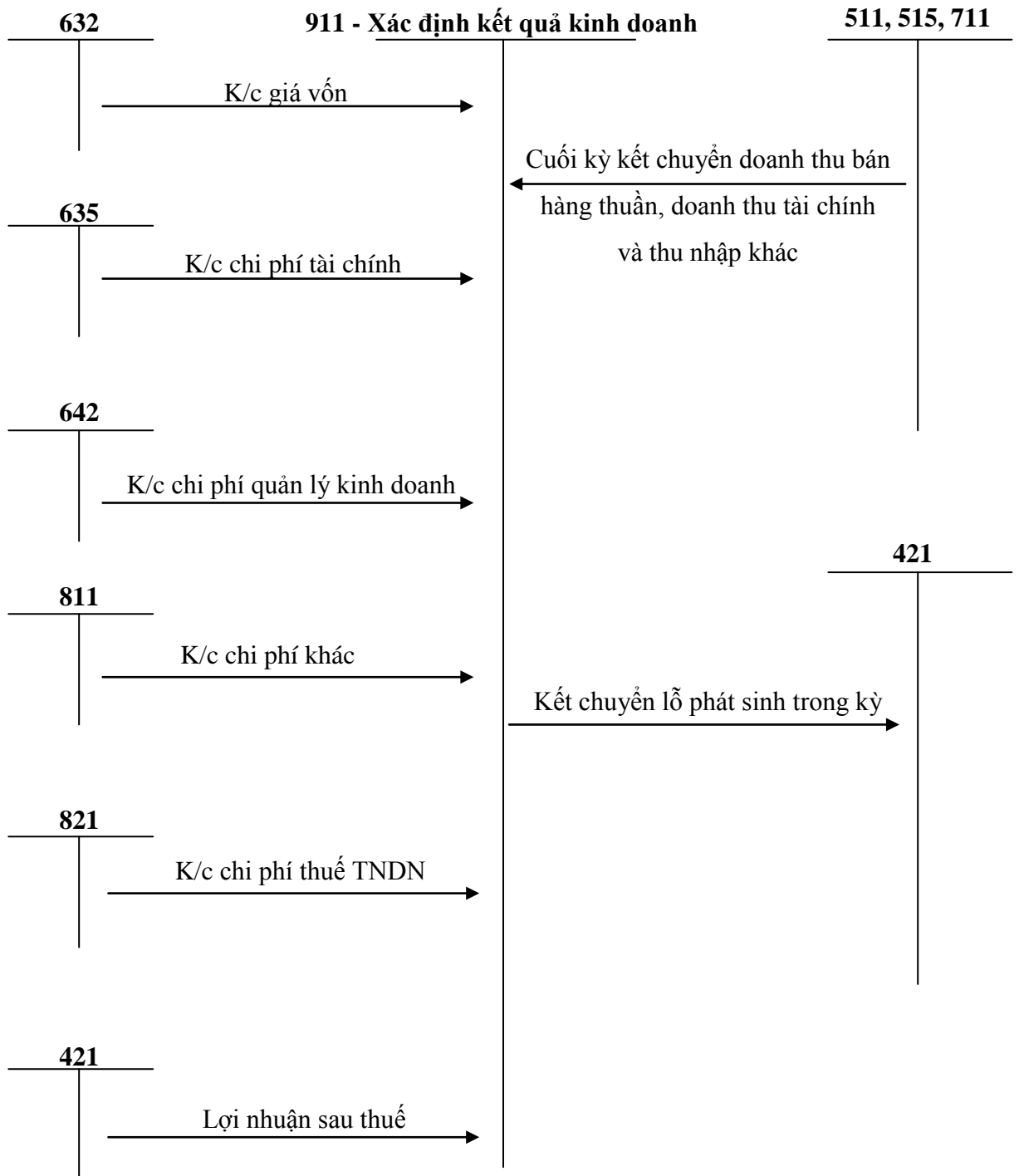
| | |
|---|---|
| - Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán và dịch vụ đã cung cấp | - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ |
| - Chi phí hoạt động tài chính | - Doanh thu hoạt động tài chính |
| - Chi phí khác | - Thu nhập khác |
| - Chi phí quản lý kinh doanh | - Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | - Kết chuyển lỗ |
| - Kết chuyển lãi | |
| Tổng phát sinh Nợ | Tổng phát sinh Có |

Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ số 1.12

Kế toán xác định kết quả kinh doanh
Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Công tác kế toán trong một đơn vị hạch toán, đặc biệt trong các doanh nghiệp thường nhiều và phức tạp. Do vậy đơn vị hạch toán cần thiết phải sử dụng nhiều sổ sách để ghi chép. Mỗi hệ thống sổ kế toán được xây dựng là một hình thức sổ nhất định mà doanh nghiệp cần phải có để thực hiện công tác kế toán.

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật để chọn một hình thức kế toán phù hợp và tuân thủ đúng quy định của hình thức kế toán đó. Doanh nghiệp thường áp dụng một trong các hình thức sau:

1. Hình thức kế toán Nhật ký chung
2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

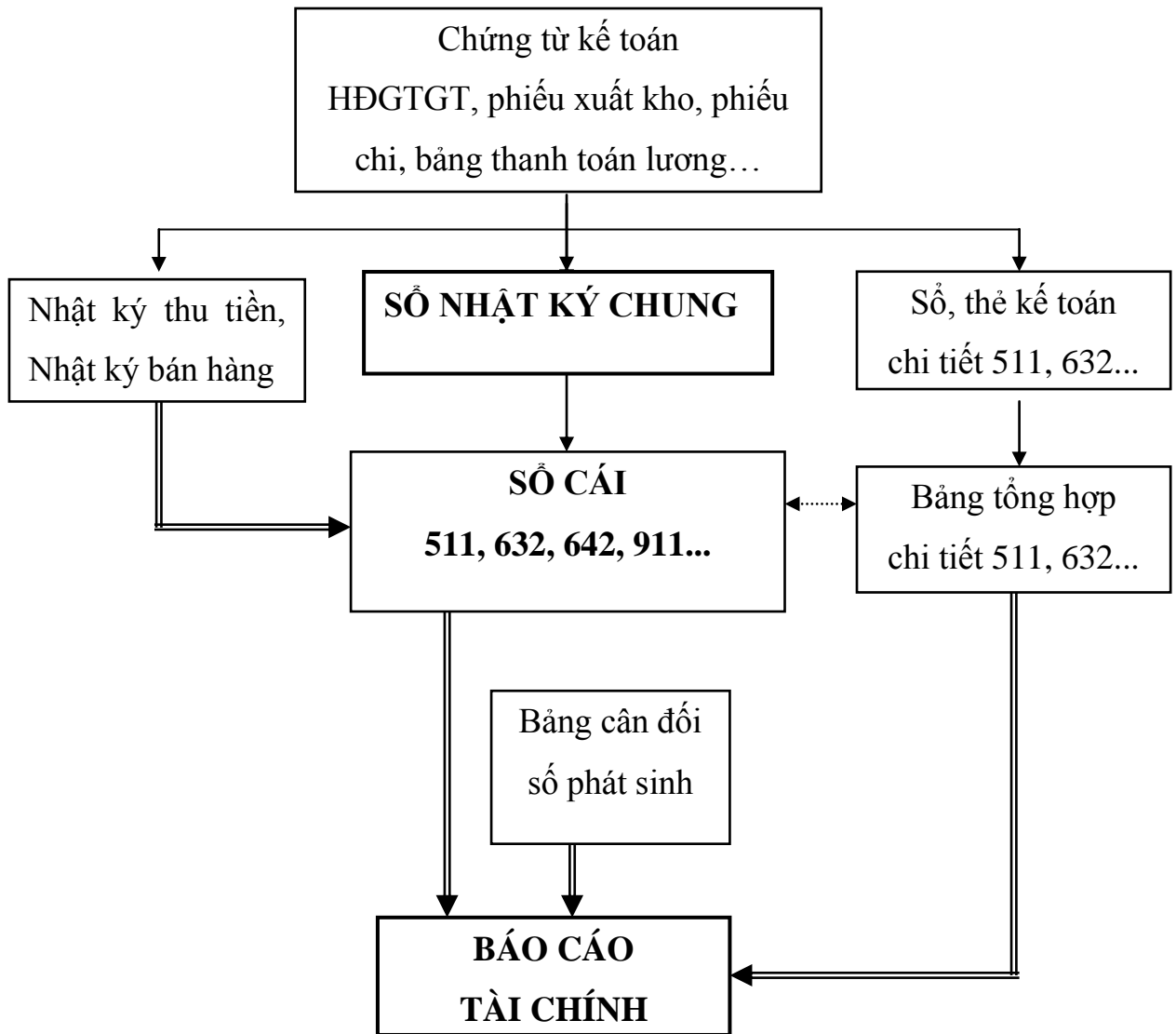
Để dễ dàng cho việc nghiên cứu, em xin được đi sâu vào hình thức kế toán mà Công ty Cổ phần thương mại S.I.C áp dụng, cụ thể là công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

❖ Hình thức kế toán Nhật ký chung

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán nhật ký chung áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-.-> : Đối chiếu

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C

2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần thương mại S.I.C

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty cổ phần thương mại S.I.C

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần thương mại S.I.C
- Tên giao dịch quốc tế: S.I.C TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: S.I.C, JSC
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 7/51 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Địa chỉ ,địa điểm kinh doanh: Số 271 Miếu Hai Xã, Phường Dư Hàng, quận Lê Chân, Hải Phòng
- Tel: 0313.669.996
- Fax: 0313.669.996
- Email: salepro.sic@gmail.com
- Mã số thuế : 0200634116

Công ty được thành lập với tên ban đầu là Công ty Cổ Phần Thương Mại S.I.C được đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2008 và đăng kí thay đổi lần thứ 1 ngày 21 tháng 12 năm 2009

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200805065 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 07/04/2008.

Sau nhiều năm trưởng thành và phát triển, hiện nay công ty đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường và không ngừng mở rộng quy mô và lĩnh vực hoạt động.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần thương mại S.I.C

Trong một nền kinh tế doanh nghiệp thương mại giữ vai trò phân phối lưu thông hàng hóa, thúc đẩy quá trình tái sản xuất. Là một công ty thương mại, các nghiệp vụ mua, bán hàng là nghiệp vụ kinh doanh cơ bản. Mặt hàng chính của công ty là kinh

doanh bán buôn các sản phẩm phục vụ công tác văn phòng như:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy
- Bán buôn các thiết bị tin học và máy văn phòng: ,máy in,máy photocopy
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử ,viễn thông,thiết bị ngoại vi của máy tính

Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của mình, công ty đã xây dựng một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp thực hiện việc bán hàng,vận chuyển...Với việc tổ chức như trên đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Tình hình kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

Tuy công ty mới thành lập không lâu, nhưng công ty đã không ngừng phát triển qua bao bước thăng trầm cùng với nền kinh tế. Điều đó được thể hiện qua một số chỉ tiêu sau:

| Chỉ tiêu | Năm | | So sánh | |
|----------------------|---------------|---------------|---------------|-------|
| | 2010 | 2011 | Tuyệt đối | % |
| 1. Vốn chủ sở hữu | 2.993.361.916 | 5.161.209.492 | 2.167.847.576 | 72.42 |
| 2.Doanh thu bán hàng | 3.425.879.300 | 4.961.504.000 | 1.535.624.700 | 44.82 |
| 3.Lợi nhuận | 97.582.053 | 139.712.620 | 42.130.567 | 43.17 |
| 4.Thuế TNDN phải nộp | 24.395.513 | 34.928.155 | 10.532.642 | 43.17 |
| 5.Tiền lương BQHT | 2.073.333 | 2.755.556 | 682.223 | 32.9 |

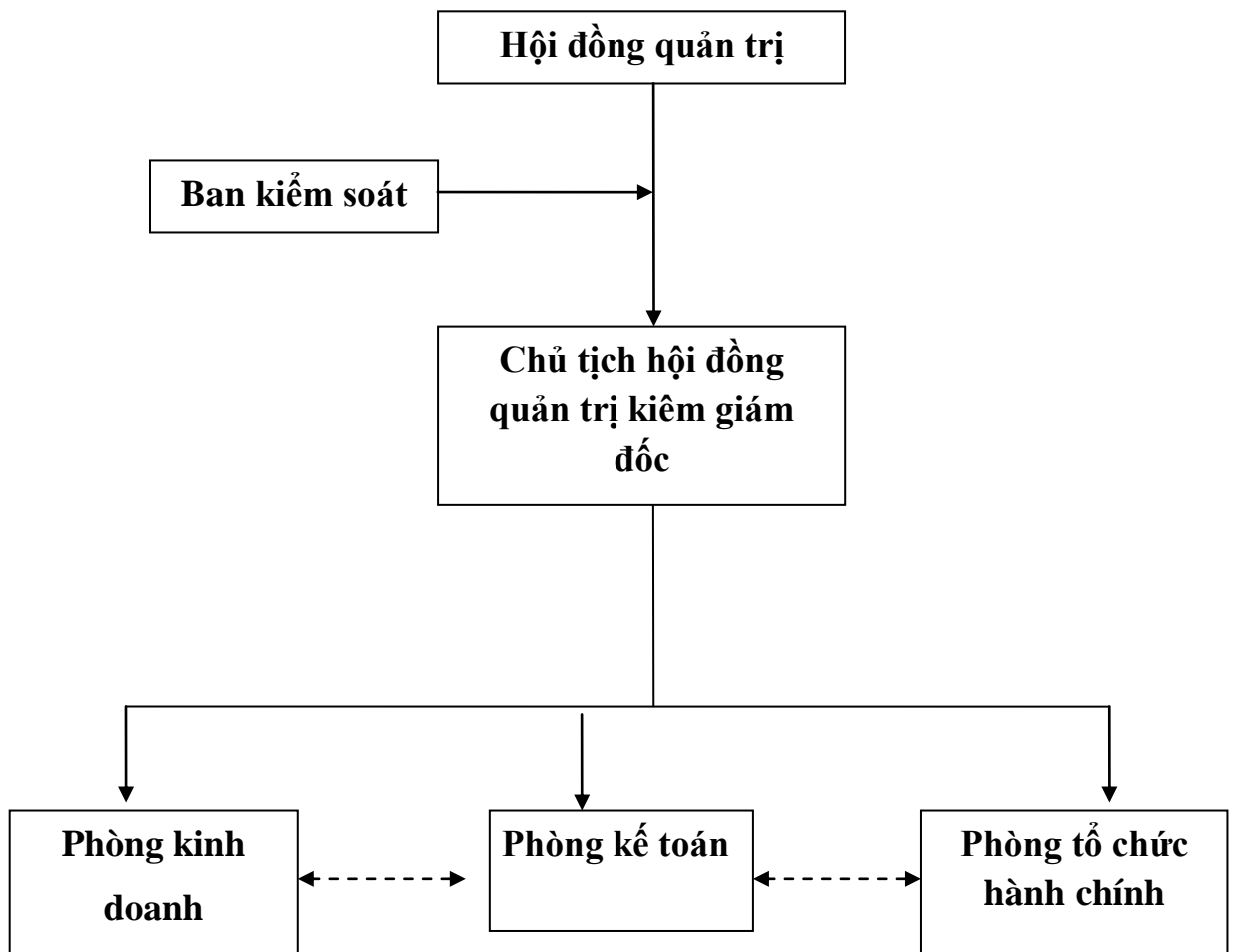
Nhìn bảng trên của công ty cho thấy: doanh thu của bán hàng tăng 1.535.624.700 đồng làm cho thu nhập của nhân viên tăng 682.223 đồng/tháng. Qua đó chứng tỏ công ty đã biết quản lý công nhân viên, chăm sóc khách hàng nên đã đem lại lợi nhuận cho công ty cao hơn.

2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty Cổ phần thương mại S.I.C

Công ty hoạt động trên tinh thần “Hiệu quả công việc” là chính, bộ máy tổ chức quản lý gọn nhẹ, cán bộ nhân viên không nhiều nhưng làm việc đạt hiệu quả cao.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng nên ta có sơ đồ bộ máy quản lý của công ty như sau:

Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ cơ cấu tổ chức Bộ máy quản lý của công ty S.I.C



Ghi chú: Quan hệ chỉ đạo —————>

Quan hệ phối hợp <----->

Với tổ chức bộ máy quản lý như trên mỗi bộ phận đều có một chức năng và quyền hạn nhất định. Các bộ phận này có vai trò quan trọng trong công việc điều hành và quản lý công ty.

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận được quy định như sau:

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền sau:

- ✓ Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch hàng năm của công ty;
- ✓ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác; quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- ✓ Giám sát và chỉ đạo Giám đốc và những người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty...

❖ Giám đốc

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- ✓ Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- ✓ Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần có quyết định của Hội đồng quản trị;
- ✓ Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- ✓ Tuyển dụng lao động.

❖ Ban kiểm soát

- ✓ Có từ ba đến năm thành viên trong đó có ít nhất một kiểm soát viên là kế toán hoặc kiểm toán viên.
- ✓ Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

✓ Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

✓ Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên.

❖ Phòng kế toán:

✓ Chấp hành nghiêm chỉnh pháp lệnh kế toán thống kê và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan trong hoạt động tài chính kế toán của Công ty.

✓ Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán linh hoạt, gọn nhẹ, làm việc có hiệu quả trong phạm vi toàn Công ty phù hợp với mô hình tổ chức kinh doanh.

✓ Theo dõi, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách trung thực, đầy đủ, kịp thời trong quá trình hoạt động kinh doanh. Tính toán và trích nộp đầy đủ các khoản nộp ngân sách Nhà nước, thanh toán đúng hạn các khoản vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả..

✓ Tổng hợp các số liệu báo cáo tài chính, cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng theo chế độ quy định.

✓ Phân tích hoạt động kinh tế nhằm đánh giá đúng đắn tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

✓ Tổ chức quản lý, lưu trữ, gìn giữ các bí mật, tài liệu kế toán.

❖ Phòng tổ chức hành chính:

✓ Tổ chức bộ máy hành chính nhân sự, xây dựng các nội quy làm việc, tổ chức công tác văn thư, lưu trữ.

✓ Soạn thảo và trình giám đốc ký kết các hợp đồng lao động, đề xuất các ý kiến cho ban giám đốc công ty về giải quyết các vấn đề về tuyển dụng, phân công lao động. Theo dõi thời gian làm việc, tình hình làm việc, chất lượng công việc..., xây dựng thang bảng lương của các cán bộ công nhân viên...

7. Phòng kinh doanh:

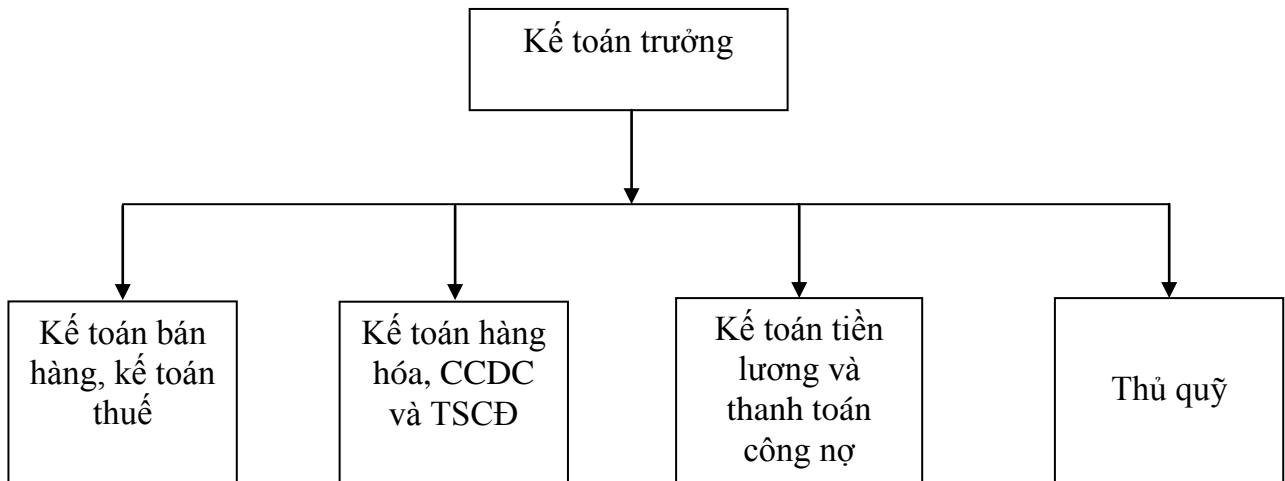
- ✓ Theo dõi hoạt động kinh doanh của công ty, tìm hiểu thị trường, tham mưu cho giám đốc về phương hướng tổ chức kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ;
- ✓ Tìm kiếm đối tác và nguồn khách hàng mới cho Công ty.
- ✓ Thiết lập mối quan hệ lâu dài với bạn hàng...

2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty Cổ phần thương mại S.I.C

Phòng kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo được sự hợp lý và hiệu quả trong việc cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin liên quan đến tài chính, kinh tế cho ban giám đốc. Phòng kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức bộ máy kế toán tập trung, chỉ có một phòng kế toán duy nhất chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kế toán của công ty. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban giám đốc công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần thương mại S.I.C.



Trong đó:

- **Kế toán trưởng** là người chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về mọi công việc của phòng kế toán tài chính, chỉ đạo toàn bộ các công việc của phòng kế toán, tham mưu và tư vấn cho tổng giám đốc về công tác tài chính của công ty.

- **Kế toán bán hàng, thuế** chịu trách nhiệm theo dõi và phản ánh tình hình cũng như kết quả bán hàng và theo dõi thuế GTGT đầu vào, đầu ra, thuế TNDN, thuế TNCN và các loại thuế khác...

- **Kế toán công cụ dụng cụ và tài sản cố định** có nhiệm vụ phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn kho CCDC, lập bảng trích khấu hao của từng bộ phận để phân bổ chi phí chính xác, giúp cho kế toán tập hợp chi phí dễ dàng kịp thời.

- **Kế toán lương và thanh toán công nợ** có nhiệm vụ hạch toán lương và các khoản trích theo lương của cán bộ công nhân viên trong toàn doanh nghiệp và thanh toán các khoản chi phí giao dịch với ngân hàng, theo dõi công nợ giữa công ty với khách hàng.

- **Thu quỹ** có nhiệm vụ quản lý việc thu, chi hàng ngày dựa trên hoá đơn chứng từ mua bán.

2.1.5. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần thương mại S.I.C.

- **Niên độ kế toán:** Ngày bắt đầu 01/01, ngày kết thúc 31/12 hàng năm.

- **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính

- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam.

- **Các chính sách, phương pháp kế toán đang áp dụng:**

+ Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên

+ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi theo giá gốc

+ Tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn

+ Tính và nộp thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

+ Tính khấu hao TSCĐ: theo phương pháp khấu hao đều

- **Hệ thống báo cáo tài chính:**

+ **Báo cáo tài chính** là những báo cáo tổng hợp về tình trạng tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong từng kỳ kế toán.

+ Báo cáo tài chính năm gồm:

✓ Bảng cân đối kế toán.

✓ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

✓ Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

- **Hình thức kế toán áp dụng:**

Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán hình thức được

công ty áp dụng là hình thức *Nhật ký chung*.

+ *Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung*

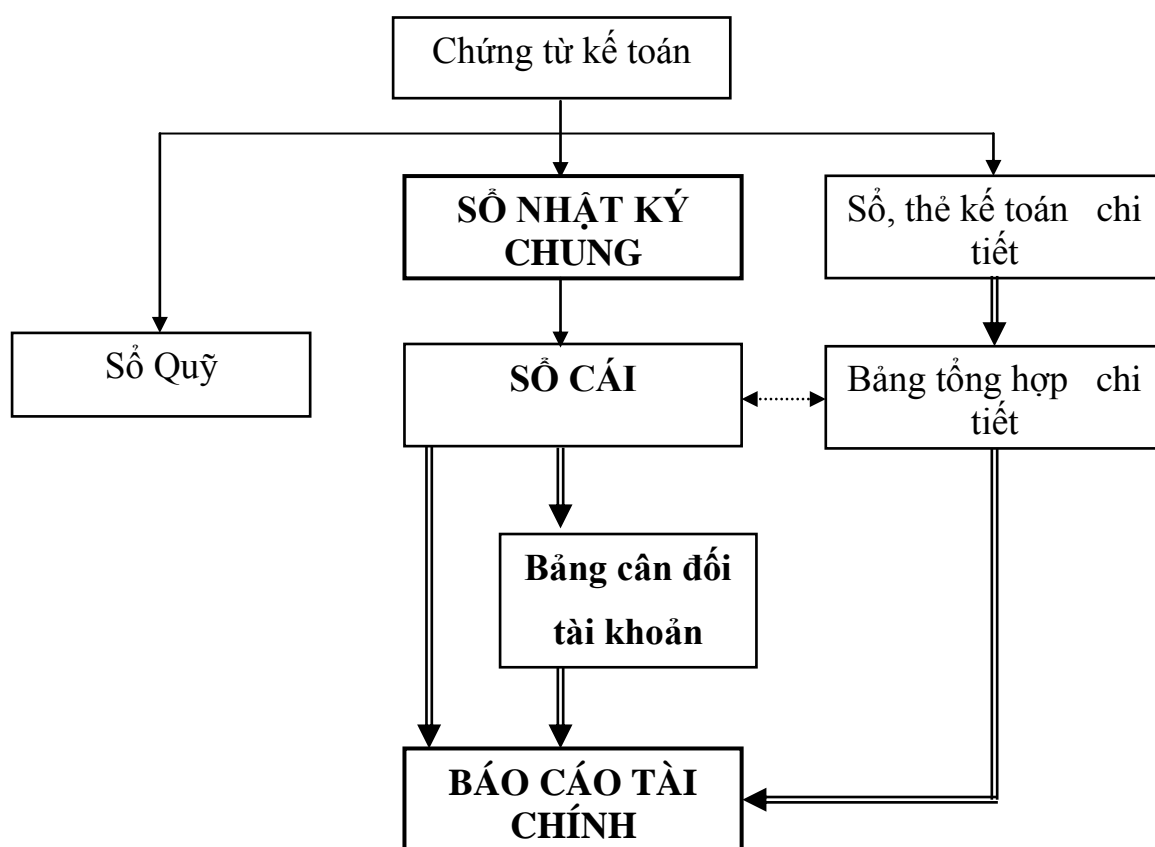
Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- ✓ Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt.
- ✓ Sổ Cái.
- ✓ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

+ *Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ sau*

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ luân chuyển chứng từ sổ sách tại Công ty Cổ phần thương mại S.I.C.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

- Trình tự ghi sổ kế toán:

(1) Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán gốc đã được kiểm tra (các phiếu nhập, xuất kho, phiếu thu, chi tiền, giấy báo nợ, có...) dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết kế toán ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung hoặc sổ nhật ký đặc biệt, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung (sổ nhật ký đặc biệt) để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu ghi trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại S.I.C

2.2.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại S.I.C

Công ty Cổ phần thương mại S.I.C là công ty chuyên kinh doanh văn phòng phẩm các loại gồm: thiết bị, linh kiện điện tử viễn thông, máy in, máy photocopy, các thiết bị ngoại vi... Doanh thu của công ty bao gồm các khoản tiền thu được từ hoạt động bán sản phẩm văn phòng phẩm và các khoản doanh thu từ hoạt động tài chính như lãi tiền gửi ngân hàng

Công ty cổ phần thương mại S.I.C tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền dự trữ. Chi phí giá vốn hàng hóa bán ra chiếm tỷ trọng lớn từ 88-92% trong tổng chi phí công ty

Đối với công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP TM S.I.C được các nhân viên kế toán thực hiện tương đối chi tiết, chính xác, khoa học. Kế toán theo dõi chi tiết doanh thu, giá vốn cho từng nhóm hàng hoá, theo dõi đầy đủ các loại chi phí quản lý, chi phí bán hàng cũng như các khoản doanh thu hoạt động tài chính để cuối kỳ xác định kết quả kinh doanh.

❖ Phương thức bán hàng của công ty

Công ty sử dụng phương thức bán hàng trực tiếp

❖ **Phương thức thanh toán**

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.

- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người này sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng.

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại S.I.C.

2.2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ phần TM S.I.C.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01GTKT-3LL)

+ Liên 1: màu tím được lưu lại quyền hoá đơn

+ Liên 2: màu đỏ giao cho khách hàng

+ Liên 3: màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán

- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, giấy báo có...)

- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Do công ty kinh doanh nhiều loại mặt hàng khác nhau nên TK 511 được theo dõi thành 5 tài khoản cấp 2 tương ứng với từng nhóm hàng hóa mà công ty cung cấp:

TK 5111: Doanh thu bán các loại Camera

TK 5112: Doanh thu bán các loại máy in

TK 5113: Doanh thu bán các loại máy photocopy

TK 5114: Doanh thu bán máy móc thiết bị văn phòng

TK 5115: Doanh thu bán văn phòng phẩm khác.

- Tài khoản 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

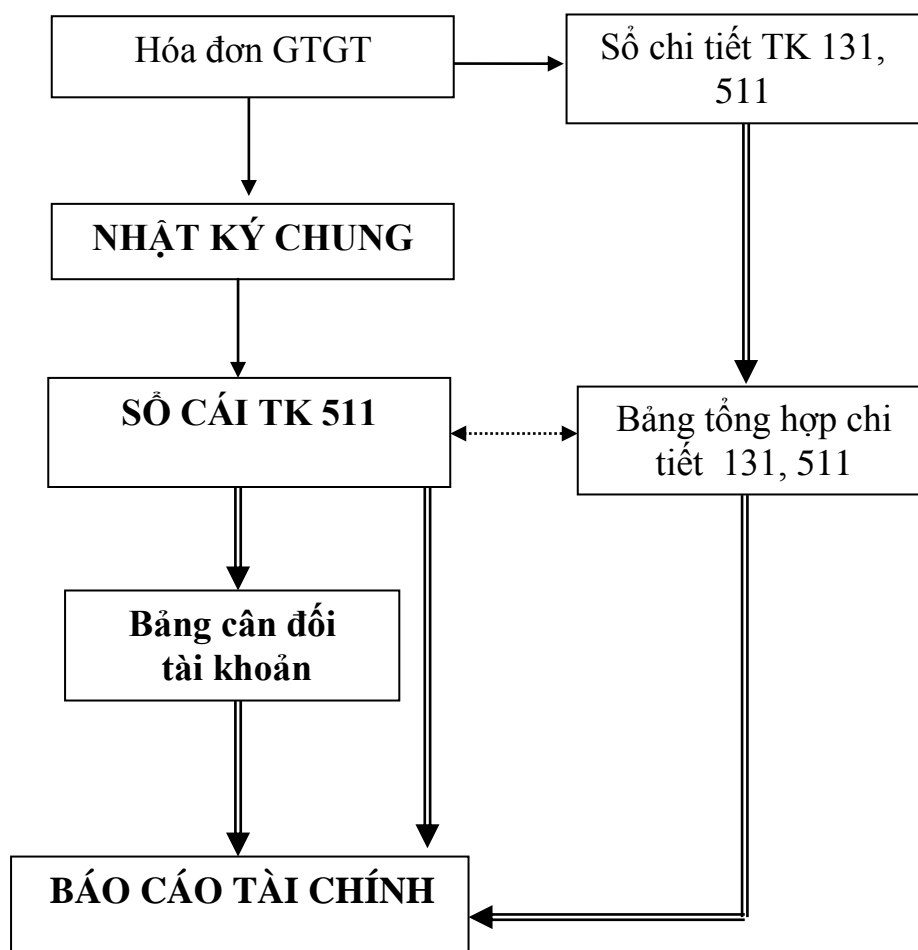
- Tài khoản 111, 112, 131

Và các tài khoản khác có liên quan

❖ **Quy trình luân chuyển chứng từ**

Công tác kế toán được mô tả theo trình tự luân chuyển chứng từ sau:

Sơ đồ 2.4. Quy trình luân chuyển chứng từ sổ sách trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ phần thương mại S.I.C



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

- Doanh thu bán hàng tại công ty được ghi nhận khi phát sinh các nghiệp vụ bán hàng.

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc như hóa đơn GTGT đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán tiến hành ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung.

Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 511, 111, 131, ... Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết TK 511, 131.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa 1: Trích nghiệp vụ bán hàng của công ty Cổ phần thương mại S.I.C phát sinh trong tháng 12/2011 như sau:

Ngày 31/12 hóa đơn GTGT 0002793 bán cho công ty TNHH tin học- điện tử Hưng Thịnh Camera Vantech-VT2250 đã thu bằng tiền mặt .Tổng giá thanh toán là 9.224.160 đ

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số:01GTKT -3LL

AA/11P

Số:002793

Đơn vị bán hàng:... CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C.....

Địa chỉ:... 271 Miếu Hai Xã, Phường Dư Hàng, quận Lê Chân, Hải Phòng

Số tài khoản:...0231000259566_ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam...

Điện thoại: 0313.669.996.....MS:

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 6 | 3 | 4 | 1 | 1 | 6 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|

Họ tên người mua hàng:.....Chị Nguyễn Thị Hoa.....

Tên đơn vị :.....Công ty TNHH tin học-điện tử Hưng Thịnh

Địa chỉ: Số 247- Nguyễn Trãi - Ngô Quyền - Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:..Tiền mặt...MS:

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| TT | Tên hàng hóa dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|----|------------------------|-------------|----------|-----------|------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 |
| 01 | Camera Vantech VT-2250 | cái | 6 | 1.397.600 | 8.385.600 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Cộng tiền hàng: 8.385.600

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT: 838.560

Tổng cộng thanh toán: 9.224.160

Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_ 2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã,Đur Hàng,Lê Chân,HP

Mẫu số 01-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Quyển số: 12

Số:35/12

Nợ 111: 9.224.160

Có 511: 8.385.600

Có 3331: 838.560

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Hoa

Địa chỉ: Công ty TNHH tin học-điện tử Hưng Thịnh

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng

Số tiền: 9.224.160 VND...(viết bằng chữ) Chín triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi đồng

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Chín triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Thủ quỹ Người nộp tiền
(ký, họ tên, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_ 2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, HP

Mẫu số S03a_DNN
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản | Số tiền | |
|-------------------|--------------------------|------------|--|-----------|-----------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 22/12 | HD GTGT 002784 | 22/12 | Bán Camera cho CT CP Thiên Bảo | 111 | 14.036.550 | |
| | | | | 511 | | 12.760.500 |
| | | | | 3331 | | 1.276.050 |
| 22/12 | P XK 25/12 | 22/12 | Xuất bán hàng cho khách sạn Thiên Bảo | 632 | 12.920.700 | |
| | | | | 156 | | 12.920.700 |
| 23/12 | HD GTGT 002785 | 23/12 | Bán hàng cho cửa hàng Hùng Anh | 131 | 25.247.662 | |
| | | | | 511 | | 22.952.420 |
| | | | | 3331 | | 2.295.242 |
| 23/12 | P XK 26/12 | 23/12 | Xuất hàng bán cho cửa hàng Hùng Anh | 632 | 21.354.820 | |
| | | | | 156 | | 21.354.820 |
| | | | | ... | | |
| 31/12 | PT 35/12 HD 002793 | 31/12 | Bán hàng cho công ty TNHH tin học-điện tử Hưng Thịnh | 111 | 9.224.160 | |
| | | | | 5111 | | 8.385.600 |
| | | | | 3331 | | 838.560 |
| 31/12 | P XK 33/12 | 31/12 | Xuất bán cho CT TNHH TH-ĐT Hưng Thịnh | 632 | 7.503.600 | |
| | | | | 156 | | 7.503.600 |
| | | | | | | |
| | | | Tổng cộng | | 22.416.760.200 | 22.416.760.200 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Đur Hàng, Lê Chân, HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 511

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền | |
|--------------------------|-------------------------------|---------------|---|------------------|----------------------|----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Dư đầu năm | | | |
| | | | | | | |
| 22/12 | HĐ GTGT 002784 | 22/12 | Bán Camera cho CTCP Thiên Bảo | 111 | | 12.760.500 |
| 23/12 | HĐ GTGT 002785 | 23/12 | Bán hàng cho cửa hàng Hùng Anh | 131 | | 22.952.420 |
| | | | | | | |
| 28/12 | HĐ GTGT 002789 | 28/12 | Xuất hàng bán cho công ty TNHH Việt An | 131 | | 13.293.000 |
| | | | | | | |
| 31/12 | HĐ GTGT 002792 | 31/12 | Bán máy in epon cho công ty TNHH Hoàng Phượng | 111 | | 10.478.000 |
| 31/12 | HĐ GTGT 002793 | 31/12 | Bán hàng cho công ty TNHH tin học-điện tử Hưng Thịnh | 111 | | 8.385.600 |
| 31/12 | PKT 27 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu | 911 | 4.961.504.000 | |
| | | | Cộng SPS | | 4.961.504.000 | 4.961.504.000 |
| | | | Số dư cuối năm | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S17_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 511 – 51111

Tên sản phẩm: Camera Vantech VT-2250

Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Doanh thu | | | Các khoản giảm trừ | |
|---------------|--------------|--|------------|-----------|------------------|-------------------|--------------------|----------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Thuế | Các khoản khác |
| ... | ... | | ... | ... | ... | | | |
| 002759 | 16/12 | Bán cho CT TM Mai Phú | 111 | 20 | 1.397.600 | 27.952.000 | | |
| 002763 | 17/12 | Bán cho CT TNHH Quốc Vinh | 131 | 12 | 1.397.600 | 16.771.200 | | |
| 002771 | 22/12 | Bán cho CTCP Thiên Bảo | 111 | 4 | 1.397.600 | 5.590.400 | | |
| ... | ... | | ... | ... | ... | | | |
| 002784 | 31/12 | Bán cho công ty TNHH tin học-điện tử Hưng Thịnh | 111 | 6 | 1.397.600 | 8.385.600 | | |
| | | Cộng phát sinh | | 71 | | 99.229.600 | | |

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_ 2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã,Đur Hàng,Lê Chân,Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG THEO TỪNG NHÓM MẶT HÀNG

Số hiệu TK: 511- 5111
Tên sản phẩm: Camera
Từ 01/12/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| Số thứ tự | Số hiệu tài khoản | Diễn giải | Số tiền | | Ghi chú |
|-----------|-------------------|-------------------------------|--------------------|--------------------|---------|
| | | | Nợ | Có | |
| 1 | 51111 | Camera Vantech VT-2250 | 99.229.600 | 99.229.600 | |
| 2 | 51112 | Camera IP | 66.239.260 | 66.293.260 | |
| 3 | 51113 | Camera WHO | 30.600.550 | 30.600.550 | |
| 4 | 51114 | Camera SHQ | 12.986.760 | 12.986.760 | |
| | | Cộng | 209.056.170 | 209.056.170 | |

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã,Đur Hàng,Lê Chân,Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG

Số hiệu TK: 511
Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Số thứ tự | Số hiệu tài khoản | Diễn giải | Số tiền | | Ghi chú |
|-----------|-------------------|--|--------------------|--------------------|---------|
| | | | Nợ | Có | |
| 1 | 5111 | Doanh thu bán Camera | 209.056.170 | 209.056.170 | |
| 2 | 5112 | Doanh thu máy in | 134.148.400 | 134.148.400 | |
| 3 | 5113 | Doanh thu bán máy Photocopy | 73.521.980 | 73.521.980 | |
| 4 | 5114 | Doanh thu bán máy móc thiết bị văn phòng | 37.811.729 | 37.811.729 | |
| 5 | 5115 | Doanh thu bán VPP khác | 18.844.955 | 18.844.955 | |
| | | Tổng cộng | 473.383.234 | 473.383.234 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

2.2.2.2. Thực trạng kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần thương mại S.I.C

❖ Phương pháp tính giá vốn hàng bán:

- Công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- Trong quá trình kinh doanh, căn cứ vào thoả thuận mua bán với khách hàng phát sinh tại từng thời điểm, thủ kho sẽ lập phiếu yêu cầu xuất hàng hóa.

❖ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 632 - *Giá vốn hàng bán*

TK 632 được kế toán công ty sử dụng để theo dõi trị giá vốn của các hàng hóa xuất bán trong kỳ và được theo dõi thành 5 tài khoản cấp 2 tương ứng với từng nhóm hàng hóa mà công ty cung cấp:

TK 6321: Giá vốn bán các loại Camera

TK6322: Giá vốn bán các loại máy In

TK 6323: Giá vốn bán các loại máy Photocopy

TK 6324: Giá vốn bán máy móc, thiết bị văn phòng.

TK 6325: Giá vốn bán các loại VPP khác.

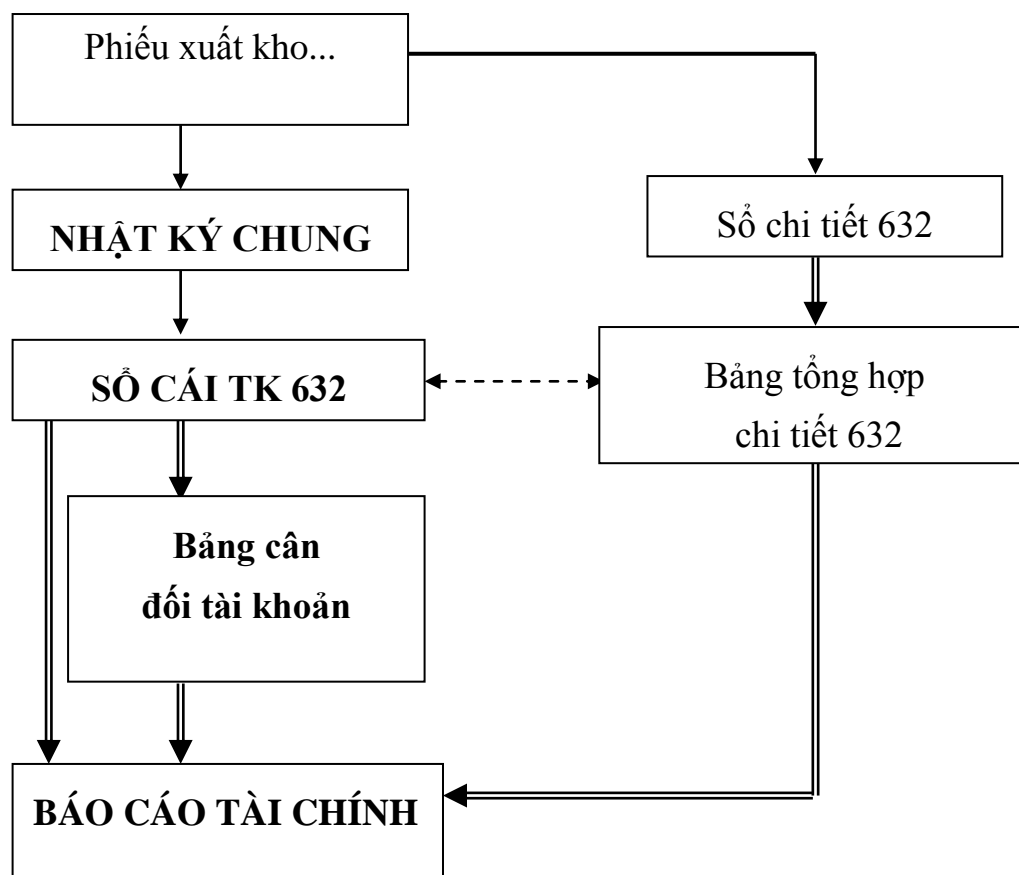
- Tài khoản 156 - *Hàng hóa*

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho

❖ *Quy trình luân chuyển chứng từ*

Sơ đồ 2.6: Quy trình luân chuyển chứng từ sổ sách kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần thương mại S.I.C



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối tháng: \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 156, 632, ... Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết 156, 632.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quay trở lại ví dụ minh họa 1:

Ngày 31/12/2011, xuất bán Camera Vanhtech VT-2250 số lượng 6 cái cho công ty TNHH tin học-điện tử Hưng Thịnh với số tiền 9.224.160 đồng bao gồm thuế GTGT 10%. đã thanh toán bằng tiền mặt.

+ Ngày 01/12/2011, Lượng Camera Vantech VT-2250 tồn kho là 63 cái, đơn giá 1.265.300 đ/cái

+ Trong tháng 12/2011, ngày 08, nhập kho 35 cái máy Camera Vantech Vt-2250. Đơn giá nhập 1.242.140 đ/cái

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất kho} \\ \text{bình quân} \\ \text{Camera Vantech} \\ \text{VT-2250} \end{array} = \frac{(63 \times 1.265.300) + (35 \times 1.242.140)}{63 + 35} = \frac{\quad}{\quad} = \begin{array}{l} \mathbf{1.250.600} \\ \mathbf{\text{đ/cái}} \end{array}$$

Như vậy, trị giá xuất của 6 Camera Vantech VT-2250 xuất ngày 31/12/2011 như sau:

$$= 6 \times 1.250.600 = 7.503.600 \text{ đ}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã,Đur Hàng,Lê Chân,HP

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số phiếu: 33/12

Quyển số : 12

Nợ TK 632: 7.503.600

Có TK 156 : 7.503.600

Họ và tên người nhận: Chị Nguyễn Thị Hoa

Lí do xuất: xuất bán

Xuất tại kho: Công ty CP TM S.I.C

| Số TT | Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất SP, VTHH | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|-------|-------------|----------|-----------|-----------|------------|
| | | | | Theo CT | Thực xuất | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4=1x2 |
| 01 | Camera Vantech VT-2250 | | Cái | 6 | 6 | 1.250.600 | 7.503.600 |
| Cộng: 7.503.600 | | | | | | | |
| Tổng số tiền: (viết bằng chữ) Bảy triệu năm trăm linh ba nghìn sáu trăm đồng. | | | | | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(ký,họ tên)

Người giao hàng
(ký,họ tên)

Thủ kho
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký,họ tên)

Giám đốc
(ký,họ tên,đóng dấu)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã,Đur Hàng,Lê Chân,HP

Mẫu số S03a_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản | Số tiền | |
|-------------------|--------------------------|------------|--|-----------|-----------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 22/12 | HĐ GTGT 002784 | 22/12 | Bán Camera cho CT CP Thiên Bảo | 111 | 14.036.550 | |
| | | | | 511 | | 12.760.500 |
| | | | | 3331 | | 1.276.050 |
| 22/12 | P XK 25/12 | 22/12 | Xuất bán hàng cho CT CP Thiên Bảo | 632 | 12.920.700 | |
| | | | | 156 | | 12.920.700 |
| 23/12 | HĐ GTGT 002785 | 23/12 | Bán hàng cho cửa hàng Hùng Anh | 131 | 25.247.662 | |
| | | | | 511 | | 22.952.420 |
| | | | | 3331 | | 2.295.242 |
| 23/12 | P XK 26/12 | 23/12 | Xuất hàng bán cho cửa hàng Hùng Anh | 632 | 21.354.820 | |
| | | | | 156 | | 21.354.820 |
| | | | | ... | | |
| 31/12 | PT 35/12 HĐ 002793 | 31/12 | Bán hàng cho công ty TNHH tin học-điện tử Hưng Thịnh | 111 | 9.224.160 | |
| | | | | 5111 | | 8.385.600 |
| | | | | 3331 | | 838.560 |
| 31/12 | P XK 33/12 | 31/12 | Xuất bán cho CT TNHH TH-ĐT Hưng Thịnh | 632 | 7.503.600 | |
| | | | | 156 | | 7.503.600 |
| | | | | | | |
| | | | Tổng cộng | | 22.416.760.200 | 22.416.760.200 |

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, HP

Mẫu số S03b-DNN
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền | |
|--------------------|------------------|--------------|---|------------|----------------------|----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Dư đầu năm | | | |
| | | | | | | |
| 22/12 | PX 25/12 | 22/12 | Xuất hàng bán cho CT CP Thiên Bảo | 156 | 12.920.700 | |
| 23/12 | PXK 26/12 | 23/12 | Xuất hàng bán cho cửa hàng Hùng Anh | 156 | 21.354.820 | |
| | ... | | | | ... | |
| 28/12 | PXK 29/12 | 28/12 | Xuất hàng bán cho công ty TNHH Việt An | 156 | 12.825.000 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PXK 32/12 | 31/12 | Bán máy in epson cho công ty TNHH Hoàng Phụng | 156 | 9.749.780 | |
| 31/12 | PXK 33/12 | 31/12 | Xuất bán cho CT TNHH TH-ĐT Hưng Thịnh | 156 | 7.503.600 | |
| 31/12 | PKT 28 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn | 911 | | 4.397.261.569 |
| | | | Cộng SPS | | 4.397.261.569 | 4.397.261.569 |
| | | | Số dư cuối năm | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S18_DNN
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK: 632 – 63211

Tên sản phẩm: Camera Vantech VT-2250
 Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| <i>Chứng từ</i> | | <i>Diễn giải</i> | <i>TK đối ứng</i> | <i>Giá vốn hàng bán</i> | | | |
|-----------------|--------------|--|-------------------|-------------------------|------------------|-------------------|-------------------|
| <i>SH</i> | <i>NT</i> | | | <i>Số lượng</i> | <i>Đơn giá</i> | <i>Thành tiền</i> | |
| | | | | | | <i>Nợ</i> | <i>Có</i> |
| PXK 09/12 | 07/12 | Bán cho CT TNHH Việt An | 156 | 10 | 1.250.600 | 12.506.000 | 12.506.000 |
| PXK14/12 | 16/12 | Bán cho CT Mai Phú | 156 | 20 | 1.250.600 | 25.012.000 | 25.012.000 |
| PXK18/12 | 17/12 | Bán cho CT TNHH Quốc Vinh | 156 | 12 | 1.250.600 | 15.007.200 | 15.007.200 |
| PXK25/12 | 22/12 | Bán cho CT CP Thiên Bảo | 156 | 4 | 1.250.600 | 5.002.400 | 5.002.400 |
| PXK30/12 | 28/12 | Bán cho công ty máy tính Hoàng Phụng | 156 | 12 | 1.250.600 | 15.007.200 | 15.007.200 |
| PXK33/12 | 31/12 | Bán cho công ty TNHH TH-ĐT Hưng Thịnh | 156 | 6 | 1.250.600 | 7.503.600 | 7.503.600 |
| | | Cộng | | 64 | | 80.038.400 | 80.038.400 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN
THEO TỪNG NHÓM MẶT HÀNG**

TK: 632 -6321

Tên sản phẩm: Camera

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/ 2011

Đơn vị tính: Đồng

| <i>STT</i> | <i>Số hiệu tài khoản</i> | <i>Tên sản phẩm</i> | <i>Số tiền</i> | | <i>Ghi chú</i> |
|------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------|--------------------|----------------|
| | | | <i>Nợ</i> | <i>Có</i> | |
| 1 | 63211 | Camera Vantech VT-2250 | 80.038.400 | 80.038.400 | |
| 2 | 63212 | Camera IP | 53.858.430 | 53.858.430 | |
| 3 | 63213 | Camera WHO | 22.482.960 | 22.482.960 | |
| 4 | 63214 | Camera SHQ | 11.982.320 | 11.982.320 | |
| | | Cộng | 168.362.110 | 168.362.110 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK: 632

Tên sản phẩm: Giá vốn hàng bán
Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| <i>STT</i> | <i>Số hiệu tài khoản</i> | <i>Tên sản phẩm</i> | <i>Số tiền</i> | | <i>Ghi chú</i> |
|------------|--------------------------|----------------------------|--------------------|--------------------|----------------|
| | | | <i>Nợ</i> | <i>Có</i> | |
| 1 | 6321 | Camera | 168.362.110 | 168.362.110 | |
| 2 | 6322 | Máy In | 120.372.480 | 120.372.480 | |
| 3 | 6323 | Máy Photocopy | 64.920.400 | 64.920.400 | |
| 4 | 6324 | Máy móc thiết bị văn phòng | 31.020.730 | 31.020.730 | |
| 5 | 6325 | Văn phòng phẩm khác | 17.349.240 | 17.349.240 | |
| | | Cộng | 402.024.960 | 402.024.960 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

2.2.2.3 Thực trạng kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty Cổ phần thương mại S.I.C.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh năm 2011 của công ty cổ phần thương mại S.I.C là từ hoạt động gửi tiền vào tài khoản ngân hàng

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Sao kê tài khoản ngân hàng
- Phiếu kế toán

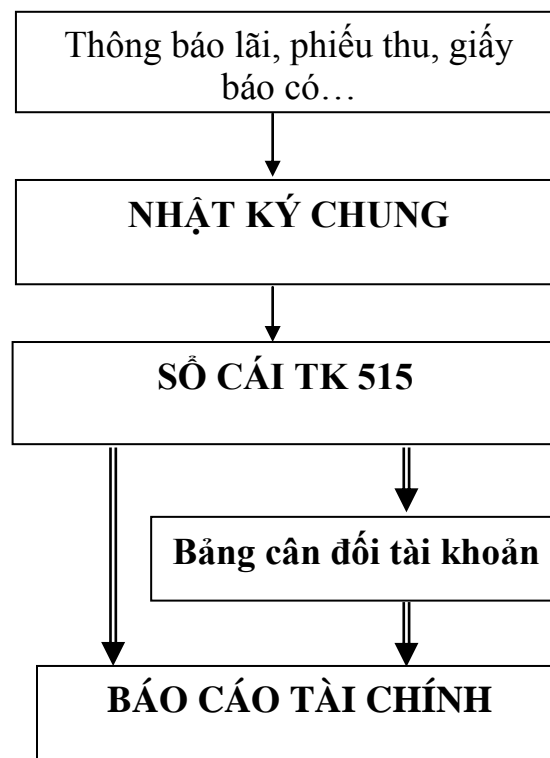
❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Và các TK liên quan: TK 112...

❖ **Quy trình luân chuyển chứng từ**

Sơ đồ 2.7. Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty Cổ phần thương mại S.I.C



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 515.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa 2 :

Định kỳ hàng tháng công ty nhận đc thông báo về khoản lãi mà công ty được hưởng trong tháng của ngân hàng Vietcombank, số tiền là 821.490 đồng

|  | VIETCOMBANK | NGÂN HÀNG CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM VIETCOMBANK | | | | | | |
|--|--|--|----------|---------|------------------|------------|--------------|------------|
| PHIẾU BÁO CÁO | | | | | | | | |
| Số/ Seq No : 121 | | | | | | | | |
| Ngày/date : 31/12/2011 | | | | | | | | |
| Kính gửi : Công ty CP TM S.I.C | Số tài khoản : 0200792840 | | | | | | | |
| Địa chỉ : 271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, HP | Loại tiền : VND | | | | | | | |
| Mã số thuế: 0200634116 | Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN | | | | | | | |
| Số ID khách hàng: 10925825 | Số bút hạch toán: 1002082658615-200900195 | | | | | | | |
| Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau: | | | | | | | | |
| <table border="1"><thead><tr><th>Nội dung</th><th>Số tiền</th></tr></thead><tbody><tr><td>Trả lãi tiền gửi</td><td>821,490.00</td></tr><tr><td>Tổng số tiền</td><td>821,490.00</td></tr></tbody></table> | | | Nội dung | Số tiền | Trả lãi tiền gửi | 821,490.00 | Tổng số tiền | 821,490.00 |
| Nội dung | Số tiền | | | | | | | |
| Trả lãi tiền gửi | 821,490.00 | | | | | | | |
| Tổng số tiền | 821,490.00 | | | | | | | |
| Số tiền bằng chữ | : Tám trăm hai mươi một nghìn bốn trăm chín mươi đồng VND | | | | | | | |
| chẵn | | | | | | | | |
| Trích yếu | : Trả lãi số dư trên tài khoản - tháng 12/2011 | | | | | | | |
| <i>Lập phiếu</i> | <i>Kiểm soát</i> | <i>Kế toán trưởng</i> | | | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐBTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản | Số tiền | |
|-------------------|-----------------------------|------------|--|-----------|-----------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 30/12 | PC 27/12 HĐ 014125 | 30/12 | Trả tiền cước vận chuyển thuê ngoài | 642 | 1.000.000 | |
| | | | | 133 | 100.000 | |
| | | | | 111 | | 1.100.000 |
| 31/12 | PC 27/12 | 31/12 | Chi tiền điện thoại văn phòng | 642 | 1.050.780 | |
| | | | | 133 | 105.078 | |
| | | | | 111 | | 1.155.858 |
| | | | | | | |
| 31/12 | PT 35/12 HĐ 002793 | 31/12 | Bán hàng cho công ty TNHH tin học-điện tử Hưng Thịnh | 111 | 9.224.160 | |
| | | | | 5111 | | 8.385.600 |
| | | | | 3331 | | 838.560 |
| 31/12 | P XK 33/12 | 31/12 | Xuất bán cho CT TNHH TH-ĐT Hưng Thịnh | 632 | 7.503.600 | |
| | | | | 156 | | 7.503.600 |
| 31/12 | GBC 121 | 31/12 | Lãi tiền gửi Ngân hàng Vietcombank | 112 | 821.490 | |
| | | | | 515 | | 821.490 |
| | | | | | | |
| | | | Tổng cộng | | 22.416.760.200 | 22.416.760.200 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Đóng dấu, ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền | |
|--------------------|----------------|--------------|---|------------|-------------------|-------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Dư đầu năm | | | |
| | | | | | | |
| 30/11 | GBC 94 | 30/11 | Lãi tiền gửi Ngân hàng Vietcombank | 112 | | 1.024.210 |
| 31/12 | GBC 121 | 31/12 | Lãi tiền gửi Ngân hàng Vietcombank | 112 | | 821.490 |
| 31/12 | PKT 27 | 31/12 | Kết chuyển DT hoạt động tài chính | 911 | 11.840.210 | |
| | | | Cộng SPS | | 11.840.210 | 11.840.210 |
| | | | Số dư cuối năm | | | |

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

2.2.2.4. *Thực trạng kế toán chi phí tài chính tại công ty cổ phần thương mại S.I.C*

Chi phí hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là lãi vay ngân hàng. Hàng tháng công ty nhận được Giấy báo nợ của Ngân hàng về lãi phải trả làm căn cứ để viết sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 635,112...

❖ ***Chứng từ kế toán sử dụng***

- Giấy báo nợ
- Sao kê chi tiết tài khoản của Ngân hàng

Và các chứng từ khác có liên quan

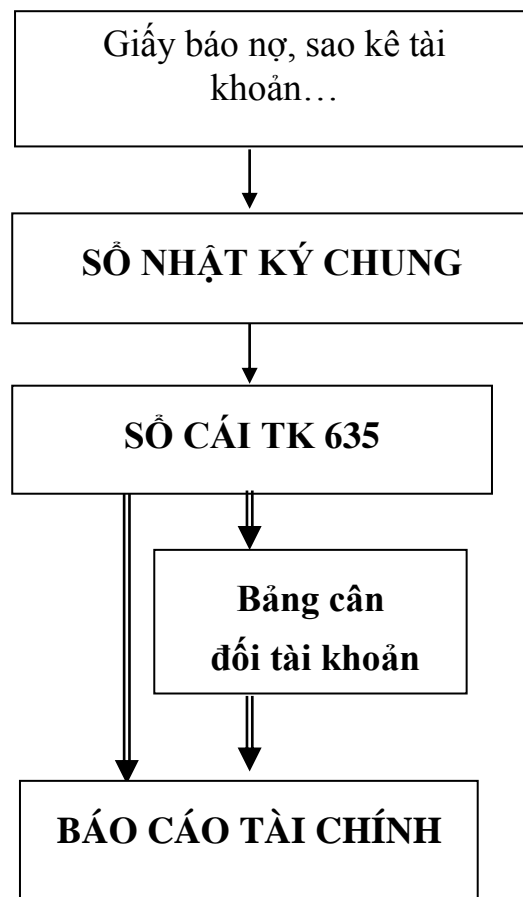
❖ ***Tài khoản kế toán sử dụng***

TK 635 - chi phí hoạt động tài chính

Và các tài khoản khác liên quan: TK 112...

❖ ***Quy trình luân chuyển chứng từ***

Sơ đồ 2.8. Quy trình luân chuyển chứng từ ,sổ sách kế toán chi phí tài chính tại công ty Cổ phần thương mại S.I.C



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng:



- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 635.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa 3:

Khi đến kỳ hạn trả lãi vay, ngày 17/12/2011, công ty thực hiện thanh toán theo giấy báo nợ của ngân hàng vietcombank



VIETCOMBANK

**NGÂN HÀNG CỔ PHẦN
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
VIETCOMBANK**

PHIẾU BÁO NỢ

Số/ Seq No : 127

Ngày/date : 17/12/2011

Kính gửi : Công ty CP TM S.I.C

Số tài khoản : 0200792840

Địa chỉ : 271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, HP

Loại tiền : VND

Mã số thuế: 0200634116

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH

Số ID khách hàng: 10925825

TOAN

Số bút hạch toán: 1002082658615-

200900195

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

| Nội dung | Số tiền |
|------------------|------------|
| Trả lãi tiền vay | 617,749.00 |
| Tổng số tiền | 617,749.00 |

Số tiền bằng chữ : **Sáu trăm mười bảy nghìn bảy trăm bốn chín đồng VND chẵn**

Trích yếu :

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
 271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a_DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản | Số tiền | |
|------------|----------------|--|-----------|-----------------------|-----------------------|
| Ngày tháng | Số hiệu | | | Nợ | Có |
| | | | | | |
| 17/12 | UNC 179 | Trả tiền hàng công ty Cổ phần Sao Việt | 331 | 240.000.000 | |
| | | | 133 | 12.000 | |
| | | | 112 | | 240.132.000 |
| 17/12 | GBN127 | Trả tiền lãi vay ngân hàng | 635 | 617.749 | |
| | | | 112 | | 617.749 |
| | | | | | |
| 22/12 | HĐ GTGT 002784 | Bán Camera cho CT CP Thiên Bảo | 111 | 14.036.550 | |
| | | | 511 | | 12.760.500 |
| | | | 3331 | | 1.276.050 |
| 22/12 | PXK 25/12 | Xuất bán hàng cho CT CP Thiên Bảo | 632 | 12.920.700 | |
| | | | 156 | | 12.920.700 |
| 23/12 | HĐ GTGT 002785 | Bán hàng cho cửa hàng Hùng Anh | 131 | 25.247.662 | |
| | | | 511 | | 22.952.420 |
| | | | 3331 | | 2.295.242 |
| 23/12 | PXK 26/12 | Xuất hàng bán cho cửa hàng Hùng Anh | 632 | 21.354.820 | |
| | | | 156 | | 21.354.820 |
| | | | | | |
| | | Tổng cộng | | 22.416.760.200 | 22.416.760.200 |

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
 (Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 635

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền | |
|--------------------------|---------------|---------------|---------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Dư đầu năm | | | |
| | | | | | | |
| 17/10 | GBN 782 | 17/10 | Trả lãi tiền vay | 112 | 617.749 | |
| 17/11 | GBN 944 | 17/11 | Trả lãi tiền vay | 112 | 617.749 | |
| 17/12 | GBN127 | 17/12 | Trả lãi tiền vay | 112 | 617.749 | |
| 31/12 | PKT 28 | 31/12 | Kết chuyển chi phí tài chính | 911 | | 8.611.275 |
| | | | Cộng SPS | | 8.611.275 | 8.611.275 |
| | | | Số dư cuối năm | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

2.2.2.5 Thực trạng kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại S.I.C

Chi phí quản lý kinh doanh dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý kinh doanh của công ty bao gồm các khoản sau:

- + Chi phí lương phân bổ cho bộ phận quản lý và bộ phận bán hàng.
- + Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- + Chi phí mua ngoài bao gồm: Chi phí vận chuyển bốc xếp, tiền điện, nước, điện thoại phục vụ công tác bán hàng. Chi phí xăng dầu, cầu đường, công tác phí, điện thoại... phục vụ công tác quản lý.
- + Chi phí bằng tiền mặt khác: Các khoản chi không thuộc nội dung trên, được chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc tiền tạm ứng.
- + Trường hợp chi phí phát sinh liên quan tới lô hàng bán theo phương thức vận chuyển thẳng thì mọi chi phí phát sinh liên quan đều ghi vào giá vốn thực tế của hàng vận chuyển đã bán.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ theo bộ phận
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán, Giấy tạm ứng...

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 642 và mở các TK chi tiết cho TK 642

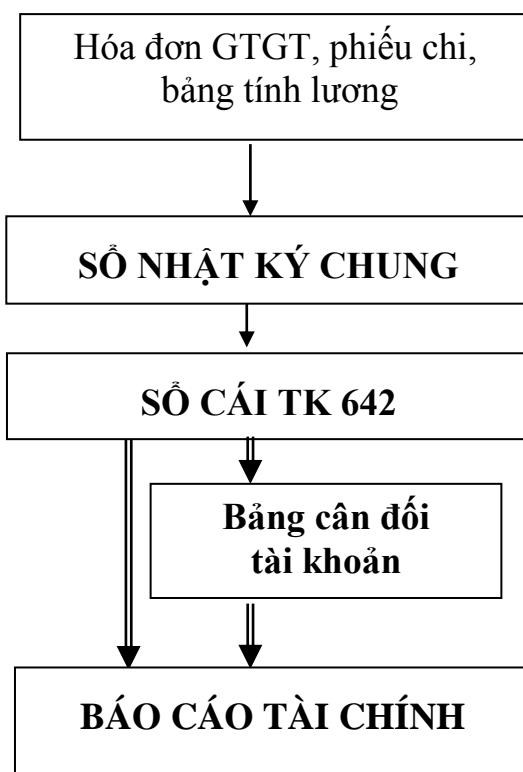
TK 6421 - *Chi phí bán hàng*

TK 6422 - *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Các TK liên quan: TK 111, 112, 131, 133, ..

❖ **Quy trình luân chuyển chứng từ**

Sơ đồ 2.9. Quy trình luân chuyển chứng từ sổ sách chi phí quản lý kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại S.I.C



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 642.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa 4:

Ngày 22/12/2011, chi tiền tiếp khách phục vụ quản lý : 1.419.000 đồng

Ngày 31/12/2011, chi tiền điện thoại văn phòng là 1.155.858 đồng

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao khách hàng
 Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Mẫu số:01GTKT -3LL
QU/11B
Số: 0006294

Đơn vị bán hàng:... Công ty TNHH Cường Sen.....
 Địa chỉ:..... 18 Trần Nguyễn Hãn - Hải Phòng.....
 Số tài khoản:.....
 Điện thoại:MS:

Họ tên người mua hàng:... Nguyễn Anh Tuấn.....
 Tên đơn vị :..... CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
 Địa chỉ:..... 271 Miếu hai xã-Dur Hàng-Lê Chân- Hải Phòng
 Số tài khoản:0231000259566_ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam...
 Hình thức thanh toán:..Tiền mặt...MS:

| TT | Tên hàng hóa dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|----|----------------------|-------------|----------|---------|------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 |
| 01 | Chi phí tiếp khách | | | | 1.290.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

| |
|--|
| Cộng tiền hàng: 1.290.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 129.000 |
| Tổng cộng thanh toán: 1.419.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng chẵn/.</i> |

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_ 2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã,Đur Hàng,Lê Chân,HP

Mẫu số 02-TT
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Số: 20/12

Nợ 642: 1.290.000 đ

Nợ 133: 129.000 đ

Có 111: 1.419.000 đ

Họ và tên người nhận tiền: Đào Minh Đức

Địa chỉ: Công ty TNHH Cường Sen

Lý do : Chi tiền tiếp khách

Số tiền: 1.419.000 đồng (viết bằng chữ) *Một triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng chẵn*/.Kèm theo: 01 Chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Một triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng chẵn*/.

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

| Thủ trưởng đ.vị | Kế toán trưởng | Người lập phiếu | Thủ quỹ | Người nhận tiền |
|------------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------|------------------------|
| <i>(Ký, họ tên,đóng dấu)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> |

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)
Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03
Ký hiệu: AC/11P
Số: 02452547

Mã số:

TT Dịch vụ khách hàng – VTHP - Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (customer's name): Công ty Cổ phần thương mại S.I.C.

Mã số:

Địa chỉ (address): 271-Miêu hai xã-Dur Hàng-Lê Chân-HP.....

Số điện thoại (tel): 0313.669.996Mã số (code).....

Hình thức thanh toán (kind of payment): TM/CK.....

| Dịch vụ sử dụng (kind of service) | Thành tiền (amount) |
|---|---------------------|
| KỶ HÓA ĐƠN THÁNG 12/2011 | |
| a, Cước dịch vụ viễn thông | 1.050.780 |
| b, Cước dịch vụ viễn thông không thuế | 0 |
| c, Chiết khấu + đa dịch vụ | 0 |
| d, Khuyến mại | 0 |
| e, Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ | 0 |
| (a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ(1) | 1.050.780 |
| Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT (2) | 105.078 |
| (1+2+ e) Tổng cộng tiền thanh toán | 1.155.858 |

Số tiền viết bằng chữ: *một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm năm sáu đồng chẵn.*

Ngày..31...tháng 12...năm ..2011...

Người nộp tiền ký

Nhân viên giao dịch ký

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU CHI
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 28/12
Nợ 642: 1.050.780 đ
Nợ 133: 105.078 đ
Có 111: 1.155.858 đ

Họ và tên người nhận tiền: Ngô Hồng Vân

Địa chỉ: Phòng kế toán.

Lý do : Chi tiền điện thoại văn phòng.

Số tiền: 1.155.858 đồng (*viết bằng chữ*) *một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm năm tám đồng*

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (*viết bằng chữ*): *một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm năm tám đồng.*

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, HP

Mẫu số S03a_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản | Số tiền | |
|-------------------|-----------------------|------------|--|------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 17/12 | UNC 179 | 17/12 | Trả tiền hàng công ty Cổ phần Sao Việt | 331 112 | 240.000.000 | 240.000.000 |
| 17/12 | GBN1227 PC 09/12 | 17/12 | Trả tiền lãi vay ngân hàng | 635 112 | 617.749 | 617.749 |
| | | | | ... | | |
| 22/12 | PC 20/22 | 22/12 | Chi tiền tiếp khách | 642 | 1.290.000 | |
| | | | | 133 | 129.000 | |
| | | | | 111 | | 1.419.000 |
| | | | | | | |
| 30/12 | PC 27/12 HĐ 014125 | 30/12 | Trả tiền cước vận chuyển thuê ngoài | 642 | 1.000.000 | |
| | | | | 133 | 100.000 | |
| | | | | 111 | | 1.100.000 |
| 31/12 | PC 28/12 | 31/12 | Chi tiền điện thoại văn phòng | 642 | 1.050.780 | |
| | | | | 133 | 105.078 | |
| | | | | 111 | | 1.155.858 |
| | | | | | | |
| | | | Tổng cộng | | 22.416.760.200 | 22.416.760.200 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, HP

Mẫu số S03b-DNN
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lí kinh doanh

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền | |
|--------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------|--------------------|--------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Dư đầu năm | | | |
| | | | | | | |
| 21/12 | PC 19/12 | 21/12 | Chi phí công tác Hà Nội | 111 | 300.000 | |
| 22/12 | PC20/12 | 22/12 | Chi phí tiền tiếp khách | 111 | 1.290.000 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PC28/ 12 | 31/12 | Chi tiền điện thoại văn phòng | 111 | 1.050.780 | |
| 31/12 | KHTS/12 | 31/12 | Tính khấu hao TSCĐ Tháng 12 | 214 | 2.660.534 | |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Kết chuyển chi phí QLKD | 911 | | 427.758.746 |
| | | | Cộng SPS | | 427.758.746 | 427.758.746 |
| | | | Số dư cuối năm | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.2.6. Thực trạng kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại S.I.C

2.2.2.6.1 . Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Sau khi tập hợp chi phí, doanh thu, xác định doanh nghiệp có lãi, kế toán doanh nghiệp tiến hành xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2011, công ty áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%

$$\begin{array}{ccc} \text{Chi phí thuế} & & \text{Lợi nhuận kế} & & \text{Thuế suất thuế} \\ \text{TNDN} & = & \text{toán trước thuế} & \times & \text{TNDN} \end{array}$$

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

Cách lập phiếu kế toán: Cuối kì tập hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 821: “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”
- TK 3334: “ Thuế thu nhập doanh nghiệp”

Các tài khoản khác liên quan

2.2.2.6.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán

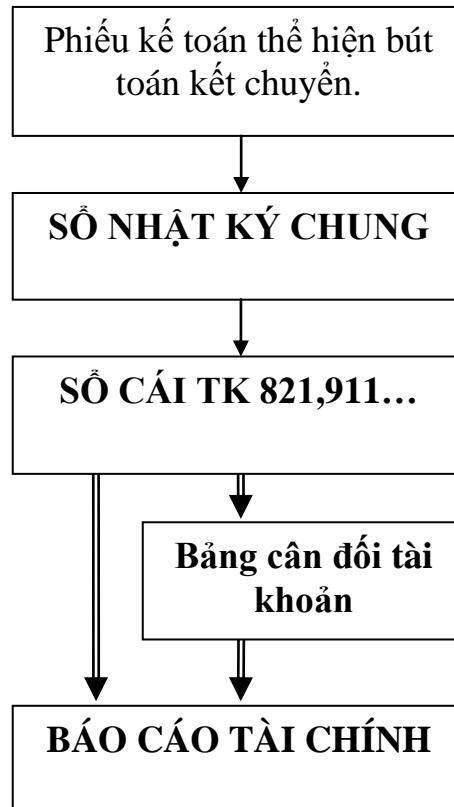
❖ Tài khoản sử dụng.

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.10. Quy trình luân chuyển chứng từ sổ sách xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại S.I.C



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối năm : ⇒

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 27

| <i>STT</i> | <i>Nội dung</i> | <i>TK Nợ</i> | <i>TK Có</i> | <i>Số tiền</i> |
|------------|-----------------------------------|--------------|--------------|----------------------|
| | Ghi có TK 911 | | | |
| 1 | K/c doanh thu bán hàng | 511 | 911 | 4.961.504.000 |
| 2 | K/c doanh thu hoạt động tài chính | 515 | 911 | 11.840.210 |
| | Tổng | | | 4.973.344.210 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 28

| <i>STT</i> | <i>Nội dung</i> | <i>TK Nợ</i> | <i>TK Có</i> | <i>Số tiền</i> |
|------------|--------------------------------|--------------|--------------|----------------------|
| 1 | K/c giá vốn hàng bán | 911 | 632 | 4.397.261.569 |
| 2 | K/c chi phí tài chính | 911 | 635 | 8.611.275 |
| 3 | K/c chi phí quản lý kinh doanh | 911 | 642 | 427.758.746 |
| 4 | Xác định thuế TNDN phải nộp | 821 | 3334 | 34.928.155 |
| 5 | K/c chi phí thuế TNDN | 911 | 821 | 34.928.155 |
| 6 | K/c lợi nhuận sau thuế | 911 | 421 | 104.784.465 |
| | Tổng | | | 4.973.344.210 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
 271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, HP

Mẫu số S03a_DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản | Số tiền | |
|-------------------|----------|------------|-----------------------------------|-----------|-----------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT27 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu | 511 | 4.961.504.000 | |
| | | | | 911 | | 4.961.504.000 |
| 31/12 | PKT27 | 31/12 | Kết chuyển DT hoạt động tài chính | 515 | 11.840.210 | |
| | | | | 911 | | 11.840.210 |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 911 | 4.397.261.569 | |
| | | | | 632 | | 4.397.261.569 |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Kết chuyển chi phí tài chính | 911 | 8.611.275 | |
| | | | | 635 | | 8.611.275 |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Kết chuyển chi phí QLD | 911 | 427.758.746 | |
| | | | | 642 | | 427.758.746 |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Xác định thuế TNDN phải nộp | 821 | 34.928.155 | |
| | | | | 3334 | | 34.928.155 |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Kết chuyển CP thuế TNDN | 911 | 34.928.155 | |
| | | | | 821 | | 34.928.155 |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Lợi nhuận chưa phân phối | 911 | 104.784.465 | |
| | | | | 421 | | 104.784.465 |
| | | | Tổng cộng | | 22.416.760.200 | 22.416.760.200 |

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
 (Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 911

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền | |
|--------------------|----------|------------|--|------------|----------------------|----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Dư đầu năm | | | |
| 31/12 | PKT27 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu | 511 | | 4.961.504.000 |
| 31/12 | PKT27 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515 | | 11.840.210 |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 632 | 4.397.261.569 | |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Kết chuyển chi phí tài chính | 635 | 8.611.275 | |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh | 642 | 427.758.746 | |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Kết chuyển thuế TNDN | 821 | 34.928.155 | |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Lợi nhuận chưa phân phối | 421 | 104.784.465 | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 4.973.344.210 | 4.973.344.210 |
| | | | Số dư cuối năm | | | |

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã,Đur Hàng,Lê Chân,HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 821

Tên TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền | |
|--------------------------|----------|---------------|---------------------------------|------------------|-------------------|-------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Dư đầu năm | | | |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Thuế TNDN nộp | 3334 | 34.928.155 | |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 911 | | 34.928.155 |
| | | | Cộng số phát sinh | | 34.928.155 | 34.928.155 |
| | | | Số dư cuối năm | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 421

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền | |
|--------------------|----------|------------|--------------------------|------------|---------|--------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Dư đầu năm | | | 2.945.347 |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Kết chuyển lãi | 911 | | 104.784.465 |
| | | | Cộng số phát sinh | | | 104.784.465 |
| | | | Số dư cuối năm | | | 107.729.812 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

Mẫu số: B02-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định số

48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006

của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Người nộp thuế : Công ty Cổ phần thương mại S.I.C

Mã số thuế

0 2 0 0 6 3 4 1 1 6

Địa chỉ trụ sở : 271-Miếu hai xã-Dur Hàng

Quận, Huyện : Lê Chân

Điện thoại: 0313.669.996

Fax:

Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng

Email:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| Stt | Chỉ tiêu | Mã | Số năm nay | Số năm trước |
|-----|---|-----------|---------------|---------------|
| (1) | (2) | (3) | (5) | (6) |
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 4.961.504.000 | 3.425.879.300 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 4.961.504.000 | 3.425.879.300 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 11 | 4.397.261.569 | 3.105.097.778 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | 564.242.431 | 320.781.522 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 11.840.210 | - |
| 7 | Chi phí hoạt động tài chính | 22 | 8.611.275 | 4.751.363 |
| | - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | |
| 8 | Chi phí quản lý kinh doanh | 24 | 427.758.746 | 218.448.106 |
| 9 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 + 21 - 22 - 24) | 30 | 139.712.620 | 97.582.053 |
| 10 | Thu nhập khác | 31 | - | - |
| 11 | Chi phí khác | 32 | - | - |
| 12 | Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | - | - |
| 13 | Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | 139.712.620 | 97.582.053 |
| 14 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 51 | 34.928.155 | 24.395.513 |
| 15 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51) | 60 | 104.784.465 | 73.186.540 |

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

CHƯƠNG 3:

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C

3.1. Đánh giá những ưu nhược điểm trong tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại S.I.C

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, đặc biệt nước ta đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới (WTO), đây là một bước ngoặt lớn đối với nền kinh tế Việt Nam sau mười mấy năm đàm phán. Nó đã mở ra nhiều cơ hội cũng như tạo ra những thách thức lớn cho các doanh nghiệp trong nước. Mặt khác, sự cạnh tranh và sự ảnh hưởng lẫn nhau ngày càng lớn giữa các doanh nghiệp khiến cho bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn tồn tại và phát triển đều phải tự tìm cho mình một phương hướng và cách thức hoạt động hiệu quả nhất. Nhà nước tạo ra môi trường còn các doanh nghiệp phải tạo cho mình một thị trường để hoạt động, ngoài ra các doanh nghiệp được phép cạnh tranh trong khuôn khổ luật định và được Nhà nước bảo vệ.

Trước sự tác động và ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới tới nền kinh tế Việt Nam nói chung và nền kinh tế của Hải Phòng nói riêng, trong năm qua, ban giám đốc Công ty cổ phần thương mại S.I.C đã luôn cố gắng tìm ra những giải pháp để Công ty có thể trụ vững trên thị trường và tiếp tục phát triển. Công ty đã quan tâm đến việc xây dựng cơ cấu quản lý, tổ chức bộ máy kế toán sao cho phù hợp và đạt được hiệu quả trong công việc...

3.1.1. Ưu điểm

Nhìn chung công tác kế toán ở công ty đã dựa trên căn cứ khoa học, đặc điểm tình hình thực tế của công ty và vận dụng một cách sáng tạo chế độ kế toán tài chính hiện hành. Đảm bảo được tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp kế toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác liên quan.

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán tại công ty tổ chức theo mô hình tập trung hiện nay là khá phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Tuy chỉ có 5 thành viên kế toán nhưng vẫn đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phân hành. Thực hiện nghiêm túc với ngân sách Nhà nước về các khoản nộp. Tiến hành quản lý hạch toán với từng khách hàng, xác định được kết quả kinh doanh ở từng thời điểm cụ thể.

Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phân hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc. Chính vì vậy nên tổ chức công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những gian lận, sai sót.

3.1.1.2. Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán ghi sổ theo hình thức nhật ký chung do Bộ tài chính ban hành. Hình thức này áp dụng đối với những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, nó có ưu điểm là dễ dàng trong phân công công tác kế toán. Công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Về chứng từ kế toán và việc thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ:

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu của Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Kế toán phân hành nào thì lưu trữ chứng từ của phân hành đó, không chồng chéo lên nhau, nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

Quá trình luân chuyển chứng từ diễn ra một cách hợp lý giữa các khâu. Kế toán Công ty đã tuân theo đúng trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký

chung. Việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng và kịp thời.

3.1.1.3. Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ Tài Chính(hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC) về việc áp dụng chế độ, chuẩn mực kế toán mới, thống nhất trên cả nước. Đồng thời trong quá trình hạch toán, Công ty phản ánh một cách chi tiết cụ thể , thuận tiện và phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm riêng của từng đơn vị.

3.1.1.4. Về hệ thống sổ sách:

Công ty sử dụng hình thức ghi sổ là “ Nhật ký chung”, hình thức này khá đơn giản lại phù hợp với mô hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Với sự lựa chọn này, Công ty đã mở một hệ thống sổ sách hoàn chỉnh, có độ tin cậy cao, đảm bảo sự chính xác trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực tế của đơn vị, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý và cung cấp thông tin một cách có hiệu quả.

Công ty sử dụng cả hai loại sổ là: Sổ tổng hợp và Sổ chi tiết cho một số tài khoản, để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

3.1.1.5. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

+ Về tổ chức công tác kế toán doanh thu

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

+ Về công tác kế toán chi phí:

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

+ Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần

nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

+ **Việc hạch toán kê khai thuế được thực hiện khá chặt chẽ:**

Công ty thực hiện đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ các mẫu kê khai tính thuế GTGT do nhà nước quy định.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những thành công trong công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà kế toán công ty đã đạt được còn có những tồn tại mà công ty cổ phần thương mại S.I.C có khả năng cải tiến và hoàn thiện nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu trong công tác quản lý của công ty.

Mặc dù về cơ bản, công ty đã tổ chức tốt việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhưng vẫn còn hạn chế những điểm sau:

➤ **Ứng dụng khoa học kỹ thuật:** Công ty vẫn chưa có phần mềm riêng của mình nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực, công sức... Công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng thủ công và thực hiện trên phần mềm Excel. Do vậy, các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các Báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

➤ **Đối với tình hình quản lý công nợ:**

- Công ty chưa có chính sách về, chiết khấu thanh toán phù hợp để kích thích việc đẩy nhanh công tác thu hồi nợ.

- Hiện nay tại Công ty không tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì Công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng, Công ty có chính sách bán trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần

tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể không thanh toán được.

➤ **Đối với chính sách bán hàng:** Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu thương mại. Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng, thu hút nhiều khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

➤ **Đối với phương thức bán hàng**

Hiện nay, Công ty chỉ áp dụng phương thức bán hàng trực tiếp, chưa đa dạng được phương thức tiêu thụ. Do đó doanh nghiệp nên bổ sung các phương thức tiêu thụ khác như bán hàng ký gửi qua đại lý... sao cho tối đa hóa được số lượng hàng tiêu thụ từ đó tối đa hóa lợi nhuận.

➤ **Đối với sổ sách kế toán:** Hiện nay, số lượng nghiệp vụ bán hàng phát sinh trong một ngày, một tháng của Công ty là rất lớn với nội dung kinh tế giống nhau nhưng Công ty lại không mở sổ Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền. Điều này làm tăng khối lượng công việc cần phải làm của kế toán bán hàng

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm thúc đẩy hoạt động bán hàng tại công ty cổ phần thương mại S.I.C.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Trong hoàn cảnh nền kinh tế thế giới là “một ngôi nhà chung”, xu hướng quốc tế hóa, thương mại hóa ngày càng được mở rộng và phát triển đã tạo nhiều cơ hội cũng như thách thức lớn cho hầu hết nền kinh tế các nước trên thế giới. Đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế thị trường luôn chịu sự tác động mạnh mẽ của các quy luật kinh tế, thì nền kinh tế của các nước luôn phải vận động trong một môi trường cạnh tranh gay gắt. Với nền kinh tế mở, quán triệt phương châm “Việt Nam muốn

làm bạn với các nước trên thế giới, hợp tác cùng có lợi trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào nội bộ của nhau”, nền kinh tế Việt Nam đã trở thành một bộ phận của nền kinh tế thế giới. Và từ tháng 11 năm 2007, khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO thì nền kinh tế Việt Nam đã thực sự “thay da đổi thịt”.

Tuy nhiên, để đáp ứng và tồn tại trên thị trường đòi hỏi mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp không thể tự hài lòng với những gì đã đạt được. Muốn chiếm lĩnh được thị trường thì các doanh nghiệp nói chung, công ty cổ phần thương mại S.I.C nói riêng phải cạnh tranh hết sức gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, sáng tạo, nhạy bén, nắm bắt được xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan hệ buôn bán, hợp tác phát triển, nâng cao chất lượng hàng hóa dịch vụ nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu thị trường.

Để làm được điều đó, trước hết các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến, hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất. Trong các công cụ quản lý đó, kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và đặc lực. Thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán: chứng từ, tài khoản, tính toán, tổng hợp, cân đối có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, trung thực, kịp thời về tình hình tài sản và sự biến động của tài sản. Điều đó giúp cho nhà lãnh đạo đưa ra quyết định đúng đắn, mang lại hiệu quả kinh tế; đồng thời đưa ra cái nhìn tổng quan cho các nhà đầu tư về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để họ có thể đưa ra những quyết định đầu tư đúng đắn, kịp thời.

Bên cạnh đó, trong doanh nghiệp thương mại, quá trình tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp được đưa lên hàng đầu và là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trên thị trường.

Vì vậy, doanh nghiệp phải đổi mới và hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng sao cho phù hợp với thực trạng kinh tế, yêu cầu quản lý để mang lại hiệu quả cao nhất cho doanh nghiệp.

3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn, đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, để hoàn thiện có tính khả thi thì phải dựa trên một số nguyên tắc sau:

➤ Hoàn thiện phải trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Việc tổ chức kế toán ở các đơn vị cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ kế toán.

➤ Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, phải kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực tế. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

➤ Hoàn thiện phải đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý.

➤ Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi, đem lại hiệu quả cao.

3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm thúc đẩy hoạt động bán hàng tại công ty cổ phần thương mại S.I.C

Qua thời gian tìm hiểu và thực tập tại công ty cổ phần thương mại S.I.C, được tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại Công ty, em nhận thấy: về cơ bản công tác kế toán của Công ty đã tuân thủ đúng chế độ kế toán của Nhà nước và Bộ tài chính ban hành, đồng thời phù hợp với tình hình tài chính của Công ty. Tuy nhiên bên cạnh đó không thể tránh khỏi những mặt còn tồn tại, chưa tối ưu. Trên góc độ của một sinh viên, em xin đưa một số ý kiến nhỏ nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán tại Công ty

Đề xuất 1: Về việc ứng dụng phần mềm kế toán:

Hiện nay công ty vẫn chưa có phần mềm kế toán nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực, công sức...

Tuy thực tế hiện nay công ty đã trang bị máy tính cho phòng kế toán nhưng mọi công việc vẫn phải làm thủ công trên excel. Để việc xử lý số liệu và công việc tính toán, tổng hợp dữ liệu trở lên đơn giản, nhanh gọn, thuận tiện và hiệu quả hơn Công ty nên nhanh chóng ứng dụng phần mềm kế toán vào tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều công ty cung cấp phần mềm kế toán với các phần mềm nổi tiếng như MISA, SAS INNOVA, AC SOFT, FAST ACCOUNTING... Công ty cần nghiên cứu và lựa chọn phần mềm kế toán cho phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, với các nghiệp vụ phát sinh của đơn vị mình.

Đề xuất 2: Về việc trích lập các khoản dự phòng:

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm đến mức tối thiểu những tổn thất về những khoản phải thu khó đòi có thể xảy ra thì việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi là điều vô cùng cần thiết. Do

- Các khoản nợ của khách hàng là rất lớn nên nguy cơ giảm giá và mất khả năng thanh toán rất dễ xảy ra.

- Khách hàng của Công ty là những khách hàng thường xuyên với hình thức thanh toán trả chậm nên việc thất thu là không thể tránh khỏi.

Do vậy Công ty nên tiến hành lập khoản dự phòng phải thu khó đòi cho các hoạt động của mình.

❖ Đối với dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

Là một doanh nghiệp thương mại, nên quy mô các khoản phải thu của khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, thậm chí có nhiều khách hàng mất khả năng thanh toán (theo báo cáo nợ phải thu đến ngày 31/12/2011). Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh những rủi ro là một hạn chế lớn của công ty.

Để trích lập các khoản phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK159 "Dự phòng phải thu khó đòi" và chi tiết cho từng khách hàng. Vào cuối niên độ kế toán, kế

toán căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được thì phải trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi:

Phương pháp xác định mức dự phòng cần lập:

| Thời gian quá hạn thanh toán (t) | Mức dự phòng cần lập |
|---|--------------------------|
| $3 \text{ tháng} \leq t < 01 \text{ năm}$ | 30% giá trị nợ phải thu |
| $01 \text{ năm} \leq t < 02 \text{ năm}$ | 50% giá trị nợ phải thu |
| $02 \text{ năm} \leq t < 03 \text{ năm}$ | 70% giá trị nợ phải thu |
| $\geq 3 \text{ năm}$ | 100% giá trị nợ phải thu |

Ước tính đối với khách hàng đáng ngờ (dựa vào thời gian quá hạn thực tế):

Số dự phòng cần lập
cho niên độ tới của khách hàng đáng ngờ = $\frac{\text{Số nợ phải thu khách hàng đáng ngờ}}{\text{Số nợ phải thu khách hàng đáng ngờ}}$ x Tỷ lệ ước tính không thu được của khách hàng

Khi tiến hành trích lập các khoản dự phòng, Công ty cần chú ý:

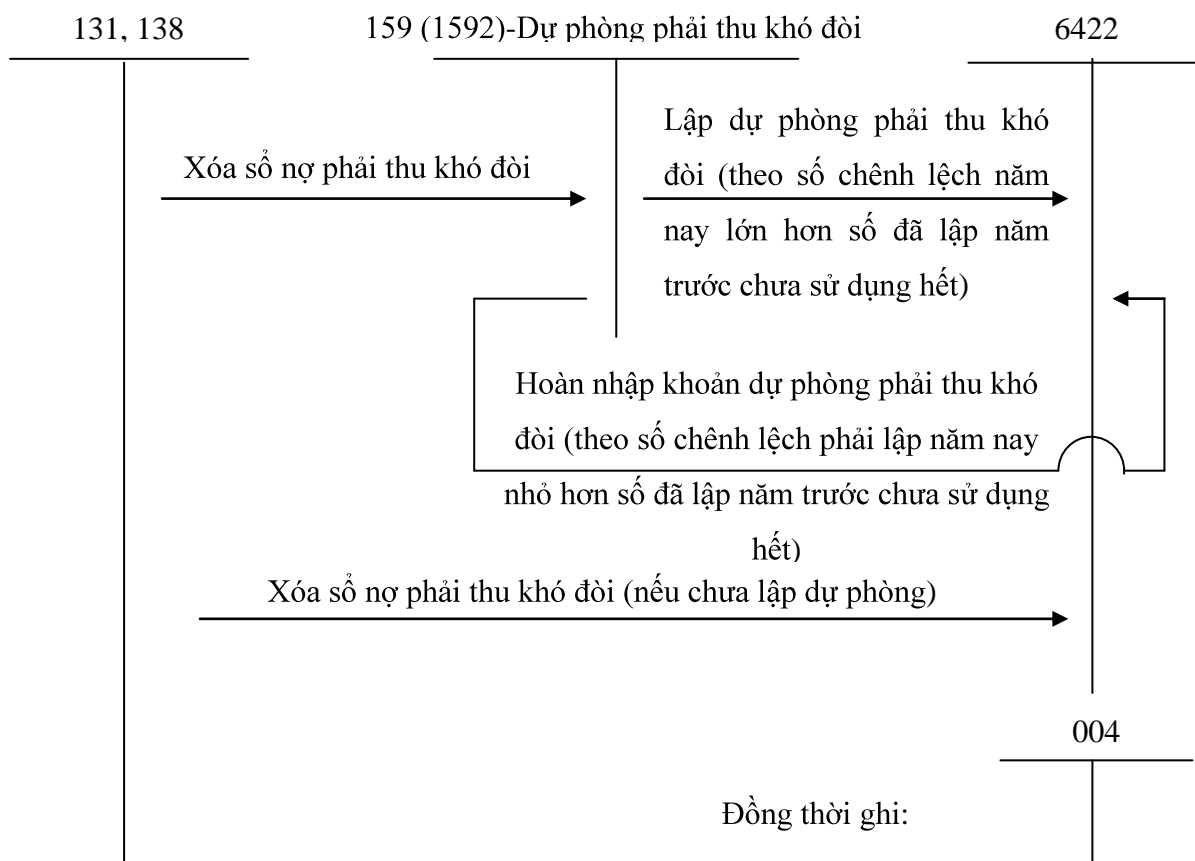
+ Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có căn cứ xác định các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được.

+ Việc lập dự phòng phải thu khó đòi phải được chi tiết cho từng khách hàng. Sau khi tiến hành xong việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi, cuối kỳ kế toán, kế toán tiến hành tập hợp chi phí trên các TK 642 rồi sau đó kết chuyển vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Kế toán trích lập dự phòng phải thu khó đòi được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ số 3.2: Sơ đồ kế toán dự phòng phải thu khó đòi

KẾ TOÁN DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI



Đối với các khoản nợ được xóa sổ thì căn cứ vào các chứng từ sau: biên bản của hội đồng xử lý nợ, bản kê chi tiết khoản nợ khó đòi, quyết định của tòa án..., quyết định của cấp có thẩm quyền về xử lý số nợ không thu hồi được.

Sau khi tiến hành xóa sổ các khoản nợ không đòi được, kế toán vẫn phải tiến hành theo dõi tối thiểu trong vòng 05 năm và vẫn phải có các biện pháp đòi nợ. Sau này nếu thu hồi được số nợ phải thu khó đòi đã xóa sổ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được và ghi nhận:

Nợ TK 111, 112 : Giá trị thực tế thu hồi được

Có TK 711 : Thu nhập khác

Đồng thời tiến hành ghi đơn:

Có TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý

Cụ thể đối với Công ty cổ phần thương mại S.I.C, căn cứ vào “Báo cáo tình hình công nợ” tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kế toán có thể tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2011

| STT | TÊN KHÁCH HÀNG | Mã số thuế | Công nợ đến ngày 31/12/2011 | | Ghi chú |
|------------------|----------------------------|------------|-----------------------------|-------------------|--|
| | | | Dư nợ cuối kỳ | Dư có cuối kỳ | |
| 1 | Cửa Hàng máy tính Mai Vinh | 0200284964 | 28.250.000 | | Phát sinh ngày 02/06/2011, quá hạn thanh toán 06 tháng |
| 2 | Cty CP Thiên Bảo | 020069275 | 16.970.400 | | Phát sinh ngày 29/04/2011, quá hạn thanh toán 08 tháng |
| 3 | CT CP Mai Phú | | | 10.000.000 | Khách hàng đặt tiền trước |
| 4 | Cty TNHH Nam Phát | 0200382105 | 13.580.000 | | Phát sinh ngày 06/10/2009, hạn tt 01/12/2010 |
| 5 | Cty TNHH ĐT-VT Hưng Thịnh | 0200193542 | | 20.000.000 | Khách hàng đặt tiền trước |
| Tổng cộng | | | 97.016.360 | 20.100.000 | |

Kế toán trưởng

Kế toán viên

❖ **Tính số dự phòng phải thu khó đòi năm 2011:**

Số dự phòng phải thu khó đòi = (16.970.400 + 28.250.000) x 30% +
13.580.000 x 70 % = 23.072.120 (đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số:

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|------------|-------------------------------|--------------|--------------|-------------------|
| | Ghi Nợ TK 642 | | | |
| 1 | Dự phòng phải thu khó đòi 159 | 642 | 159 | 23.072.120 |
| | Tổng | | | 23.072.120 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, HP

Mẫu số S03a_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản | Số tiền | |
|-------------------|--------------------------|------------|-------------------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 17/12 | GBN1227 | 17/12 | Trả tiền lãi vay ngân hàng | 635 112 | 617.749 | 617.749 |
| | | | | ... | | |
| 22/12 | PC 20/12 | 22/12 | Chi tiền tiếp khách | 642 133 111 | 1.290.000 129.000 | 1.419.000 |
| | | | | | | |
| 30/12 | PC 27/12 HĐ 014125 | 30/12 | Trả tiền cước vận chuyển thuê ngoài | 642 133 111 | 1.000.000 100.000 | 1.100.000 |
| 31/12 | PC 28/12 | 31/12 | Chi tiền điện thoại văn phòng | 642 133 111 | 1.050.780 105.078 | 1.155.858 |
| 31/12 | PKT ... | 31/12 | Trích lập dự phòng phải thu khó đòi | 642 159 | 23.072.120 | 23.072.120 |
| | | | | | | |
| | | | Tổng cộng | | 22.416.760.200 | 22.416.760.200 |

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, HP

Mẫu số S03b-DNN
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh
Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền | |
|--------------------------|--------------|---------------|--|------------------|--------------------|--------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Dư đầu năm | | | |
| | | | | | | |
| 21/12 | PC 19/12 | 21/12 | Chi phí công tác Hà Nội | 111 | 300.000 | |
| 22/12 | PC20/12 | 22/12 | Chi phí tiền tiếp khách | 111 | 1.419.000 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PC28/ 12 | 31/12 | Chi tiền điện thoại văn phòng | 111 | 1.155.858 | |
| 31/12 | KHTS/12 | 31/12 | Tính khấu hao TSCĐ Tháng 12 | 214 | 2.660.534 | |
| 31/12 | PKT.. | 31/12 | Trích lập dự phòng phải thu khó đòi | 159 | 23.072.120 | |
| 31/12 | PKT28 | 31/12 | Kết chuyển chi phí QLKD | 911 | | 427.758.746 |
| | | | Cộng SPS | | 427.758.746 | 427.758.746 |
| | | | Số dư cuối năm | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần thương mại S.I.C_2011)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đề xuất 3: Áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại .

Trong cơ chế thị trường hiện nay, có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng một ngành nghề, lĩnh vực vì vậy việc các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. Việc công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) trong bán hàng sẽ phần nào làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, góp phần làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Vì vậy để có thể thu hút được những khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) phù hợp với tình hình tại công ty.

❖ ***Chiết khấu thương mại:*** là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại, công ty sử dụng TK5211 - *chiết khấu thương mại*.

Chiết khấu thương mại do công ty xây dựng phải dựa trên:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.
- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng.
- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211.

Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hóa này, không những công ty có thể giữ được những khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Vì không có văn bản quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại và do kinh nghiệm còn hạn chế nên sau khi tham khảo mức chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành, có quy mô tương tự, bài viết xin đưa ra mức chiết khấu của sản phẩm Camera các loại tại Công ty CP TM S.I.C

Với tổng hóa đơn cung cấp dịch vụ trong tháng của một khách hàng đạt được

- Đối với sản phẩm Camera các loại
- ✓ Từ 30 cái - 40 cái /1 tháng : chiết khấu 0.5%
- ✓ Từ 40 cái- 80 cái/ tháng: chiết khấu 2%
- ✓ Từ 80 cái trở lên/ 1 tháng: chiết khấu 5%

Ví dụ:

Giả sử công ty áp dụng mức chiết khấu như trên trong tháng 12 năm 2011. Theo đó, vào ngày 31/12/2011 kế toán dựa trên bảng kê hóa đơn chứng từ cung cấp dịch vụ theo khách hàng làm căn cứ chi chiết khấu thương mại cho khách hàng. Dựa trên bảng kê hóa đơn chứng từ cung cấp dịch vụ theo khách hàng công ty sẽ cho Cty CP Mai Phú hưởng chiết khấu thương mại 2% trên tổng giá thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính : Đồng

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

| Chứng từ | | Diễn giải | Số lượng | Giá bán | Thành tiền |
|---|---------------|------------------------|-----------|-----------|-------------------|
| Ngày tháng | Số hiệu | | | | |
| Công ty sẽ cho Cty Cổ phần Mai Phú | | | | | |
| 05/12 | HĐGTGT 002763 | Xuất bán Camera IP | 10 | 1.541.630 | 15.416.300 |
| 10/12 | HĐGTGT 002771 | Xuất bán Camera IP | 15 | 1.541.630 | 23.124.450 |
| | | | | | |
| 15/12 | HĐGTGT 002774 | Xuất bán Camer Vantech | 20 | 1.250.600 | 25.012.000 |
| | | Cộng | 45 | | 63.552.750 |

Số tiền chiết khấu thương mại mà công ty TNHH Cổ phần Mai Phú được hưởng là:

Số tiền CK = 2% x (63.552.750 x 1.1) = 1.398.161 (đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, HP

Mẫu số S03a_DNN
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản | Số tiền | |
|------------|----------|--|-------------|------------------|------------------|
| Ngày tháng | Số hiệu | | | Nợ | Có |
| | | | | | |
| 29/12 | PT 26 | Thu tiền hàng của công ty TNHH Việt An | 111 | 18.472.900 | |
| | | | 131 | | 18.472.900 |
| 31/12 | PKT ... | Chiết khấu thương mại cho công ty Cổ phần Mai Phú | 521 | 1.271.055 | |
| | | | 3331 | 127.106 | |
| | | | 131 | | 1.398.161 |
| 31/12 | GBC 1211 | Lãi tiền gửi Ngân hàng Vietcombank | 112 | 821.490 | |
| | | | 515 | | 821.490 |
| 31/12 | KHTS/12 | Tích khấu hao TSCĐ Tháng 12 | 642 | 2.660.534 | |
| | | | 214 | | 2.660.534 |
| | | | | | |
| | | Cộng chuyển trang sau | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 521

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền | |
|--------------------------|----------|---------------|---|------------------|------------------|------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu năm | | | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT... | 31/12 | Chiết khấu thương mại cho công ty Cổ Mai Phú | 131 | 1.271.055 | |
| 31/12 | PKT... | 31/12 | Kết chuyển chiết khấu thương mại | 511 | | 1.271.055 |
| | | | | | | |
| | | | Tổng cộng | | | |
| | | | Số dư cuối năm | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Đề xuất 4: Về việc lập Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền

Vì là một công ty thương mại nên hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt tại công ty tương đối lớn, hoạt động nhập xuất hàng hóa cũng diễn ra thường xuyên, việc công ty không sử dụng các sổ Nhật ký đặc biệt sẽ làm cho doanh nghiệp khó có thể theo dõi lượng tiền và hàng hóa vào, ra trong ngày cũng như nguồn vốn, tài sản của công ty.

Vì vậy công ty nên mở các sổ Nhật ký đặc biệt như sổ Nhật ký thu tiền và Nhật ký chi tiền, Nhật ký mua hàng, Nhật ký bán hàng. Công ty đặc biệt chú trọng việc mở Sổ Nhật ký bán hàng, nhật ký thu tiền để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng. Cuối tháng, căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký đặc biệt để vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.

Ví dụ:

Ngày 5 /12/2011. Xuất bán cho công ty cổ phần Mai Phú 10 cái Camera IP . Tổng số tiền thanh toán là 16.957.930. Chưa thanh toán tiền hàng

Ngày 5/12. Bán máy photocopy cho công ty TNHH Quốc Vinh. Đã thu bằng tiền mặt số tiền hàng là 12.930.530 đ (chưa VAT10%)

.....

Ngày 22/12 Bán Camera Vantech cho công ty CP Thiên Bảo, số tiền 14.036.550 (VAT 10%). Đã thu ngay bằng tiền mặt.

Ngày 23/12 Xuất hàng bán cho cửa hàng Hùng Anh, số tiền 25.247.662 (VAT 10%). Cửa hàng chưa thanh toán

.....

Công ty có thể mở Sổ Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền theo mẫu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã,Đur Hàng,Lê Chân,HP

Mẫu số: S03a4 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG
Năm 2011

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Phải thu từ người mua (ghi Nợ) | Ghi Có tài khoản DT | | |
|-------------------|----------|------------|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------|------------|---------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Hàng hoá | Thành phẩm | Dịch vụ |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | |
| 5/12 | 002763 | 5/12 | Bán Camera cho công ty CP Mai Phú | 16.957.930 | 16.957.930 | | |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... | ... |
| 23/12 | 002785 | 23/12 | Bán hàng cho cửa hàng Hùng Anh | 25.247.662 | 25.247.662 | | |
| | | | | | | | |
| | | | Cộng chuyển sang trang sau | | | | |

Ngày tháng năm.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI S.I.C
271 Miếu hai xã, Dư Hàng, Lê Chân, HP

Mẫu số: S03a1 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN
 Năm: 2011

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi nợ TK 111 | Ghi có các TK | | |
|-------------------|----------|------------|------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------|---------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Tài khoản 131 | Tài khoản khác | |
| | | | | | | Số tiền | Số hiệu |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | E |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | |
| 5/12 | 002762 | 5/12 | Bán máy photocopy cho CT Quốc Vinh | 14.223.583 | ... | | |
| ... | ... | ... | | ... | 1.256.800 | | |
| 22/12 | 002784 | 22/12 | Bán Camera cho CT CP Thiên Bảo | 14.036.550 | 1.414.500 | | |
| | | | | | | | |
| | | | Cộng chuyển sang trang sau | 1.218.542.290 | 1.218.542.290 | | |

Ngày 31.tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đề xuất 5: Mở cửa hàng bán lẻ

Mỗi doanh nghiệp khi bắt đầu tiến hành sản xuất kinh doanh trên thị trường bao giờ cũng đề ra cho mình mục tiêu nhất định, có nhiều mục tiêu để cho doanh nghiệp phấn đấu như lợi nhuận, vị thế, an toàn... Trong đó mục tiêu lợi nhuận, có thể được coi là hàng đầu để đạt được mục tiêu mà doanh nghiệp phải luôn luôn quan tâm.

Trong doanh thương mại, bán hàng là khâu tối quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển. Đây là một trong hai khâu chủ yếu của doanh nghiệp thương mại. Doanh nghiệp thương mại chỉ có thể đạt được các mục tiêu chiến lược của mình nếu như đảm bảo cho hoạt động bán hàng được hiệu quả. Tuy nhiên, đã qua rồi thời kỳ bao cấp khi mà khách hàng tự tìm đến với doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp phải chủ động tìm kiếm và thỏa mãn khách hàng. Vậy nên công tác xúc tiến bán hàng phải được đặt lên hàng đầu. Vì vậy việc mở một cửa hàng bán lẻ của công ty cổ phần thương mại S.I.C là một vấn đề cần thiết hiện giờ. Em xin đưa ra kế hoạch mở cửa hàng bán lẻ cho công ty như sau:

❖ Tìm địa điểm

Theo khảo sát thực tế, đường Trần Nguyên Hãn là một trong những con đường trung tâm có hoạt động kinh doanh phát triển, tập nập người đi lại, đường hai chiều thuận lợi cho việc mở một cửa hàng kinh doanh

Số nhà 338 đường Trần Nguyên Hãn có mặt bằng quán rộng 20m², mặt tiền rộng cho việc để xe với chi phí thuê là 15.000.000 đ/tháng

❖ Nhân viên

- Cần thêm bốn nhân viên bán hàng và hai bảo vệ. Chia làm 2 ca. Ca 1 gồm 3 nhân viên bán hàng từ 8h đến 15h. Ca 2 từ 15h đến 21h

| Nhân viên (2 người/tháng) | Số lượng | Đơn giá | Tiền lương |
|------------------------------|----------|-----------|------------|
| Bán hàng | 4 | 2.000.000 | 8.000.000 |
| Bảo vệ | 2 | 1.500.000 | 3.000.000 |
| Tổng | 6 | | 11.000.000 |

❖ Dự báo doanh thu, giá vốn hàng tháng của cửa hàng theo khảo sát giá thị trường trong tháng 12/2011

| Chỉ tiêu | Số tiền |
|--|-------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 139.360.570 |
| Giá vốn hàng bán | 84.703.840 |
| Chi phí quản lý kinh doanh | 35.130.000 |
| Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 19.526.730 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 19.526.730 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.881.683 |
| Lợi nhuận sau thuế | 14.645.047 |

Trong đó chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

- + Chi phí thuê cửa hàng: 15.000.000 đ/tháng
- + Chi phí nhân viên: 11.000.000 đ
- + Chi phí điện nước, điện thoại: 2.630.000
- + Chi phí khấu hao (máy tính, bàn, tủ...): 1.500.000
- + Chi phí khác (làm biển, băng zôn, quảng cáo...): 5.000.000

⇒ Tổng chi phí quản lý kinh doanh :

$$15.000.000 + 11.000.000 + 2.630.000 + 1.500.000 + 5.000.000 \\ = 35.130.000 \text{ đ}$$

Vậy nếu công ty cổ phần thương mại S.I.C mở thêm cửa hàng sẽ thúc đẩy hoạt động bán hàng của công ty, số lượng hàng hóa bán ra tăng lên đồng thời cũng làm lợi nhuận sau thuế tăng lên 20.345.047

KẾT LUẬN

Nhìn chung công tác kế toán ở công ty đã dựa trên căn cứ khoa học, đặc điểm tình hình thực tế của công ty và vận dụng một cách sáng tạo chế độ kế toán tài chính hiện hành. Đảm bảo được tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp kế toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác liên quan.

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu của Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Kế toán phần hành nào thì lưu trữ chứng từ của phần hành đó, không chồng chéo lên nhau, nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

Quá trình luân chuyển chứng từ diễn ra một cách hợp lí giữa các khâu. Kế toán Công ty đã tuân theo đúng trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung. Việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng và kịp thời.

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ Tài Chính(hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC) về việc áp dụng chế độ, chuẩn mực kế toán mới, thống nhất trên cả nước. Đồng thời trong quá trình hạch toán, Công ty phản ánh một cách chi tiết cụ thể , thuận tiện và phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm riêng của từng đơn vị.

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

Công ty thực hiện đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ các mẫu kê khai tính thuế GTGT do nhà nước quy định.

Mặc dù về cơ bản, công ty đã tổ chức tốt việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhưng vẫn còn hạn chế những điểm sau:

Công ty vẫn chưa có phần mềm riêng của mình nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực, công sức.

Công ty chưa có chính sách về, chiết khấu thanh toán phù hợp để kích thích việc đẩy nhanh công tác thu hồi nợ. Hiện nay tại Công ty không tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì Công ty là một doanh

ng nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng, Công ty có chính sách bán trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn.

Đánh giá thực trạng và đưa ra những kiến nghị để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm thúc đẩy hoạt động bán hàng tại Công ty Cổ phần thương mại S.I.C như sau:

Kiến nghị 1: Về việc ứng dụng phần mềm kế toán.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều công ty cung cấp phần mềm kế toán với các phần mềm nổi tiếng như MISA, SAS INNOVA, AC SOFT, FAST ACCOUNTING... Công ty cần nghiên cứu và lựa chọn phần mềm kế toán cho phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, với các nghiệp vụ phát sinh của đơn vị mình.

Kiến nghị 2: Về việc trích lập các khoản dự phòng.

Là một doanh nghiệp thương mại, nên quy mô các khoản phải thu của khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, thậm chí có nhiều khách hàng mất khả năng thanh toán (theo báo cáo nợ phải thu đến ngày 31/12/2011). Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh những rủi ro là một hạn chế lớn của công ty.

Kiến nghị 3: Áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại.

Để có thể thu hút được những khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) phù hợp với tình hình tại công ty.

Kiến nghị 4: Về việc lập Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền.

Công ty nên mở các sổ Nhật ký đặc biệt như sổ Nhật ký thu tiền và Nhật ký chi tiền, Nhật ký mua hàng, Nhật ký bán hàng. Công ty đặc biệt chú trọng việc mở Sổ Nhật ký bán hàng, nhật ký thu tiền để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng. Cuối tháng, căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký đặc biệt để vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.

Kiến nghị 5: Mở cửa hàng bán lẻ.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp phải chủ động tìm kiếm và thỏa mãn khách hàng. Vậy nên công tác xúc tiến bán hàng phải được đặt lên hàng đầu. Vì vậy việc mở một cửa hàng bán lẻ của công ty cổ phần thương mại S.I.C là một vấn đề cần thiết hiện giờ.

